

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG
THANHCÔNG
SECURITIES COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**
**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE WEBSITE OF THE STATE SECURITIES
COMMISSION AND STOCK EXCHANGES**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam
Vietnam Exchange
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công (TCSC)
Name of company: ThanhCong Securities Company (TCSC)
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, P.NTB, Q.1, TPHCM
Address of head office: Floor 2, No. 6 Ho Tung Mau St., Nguyen Thai Binh Ward, Dist. 1, HCM City
- Điện thoại : (028) 38270527
Tel. : (028) 38270527
- Fax : (028) 38218010
Fax : (028) 38218010
- Người thực hiện công bố thông tin: TRỊNH TẤN LỰC
Person in Charge of Information Disclosure: TRINH TAN LUC
- Địa chỉ thường trú: 229/30A Tân Hương, P.Tân Quý, Q.Tân Phú, TPHCM
Permanent Address: 229/30A Tan Huong Street, Tan Quy Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.
- Điện thoại : 0938808075
Tel. : 0938808075
- Fax : (028) 38218010
Fax : (028) 38218010
- Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
Types of Disclosed Information: ☐ 24 hours ☐ 72 hours ☐ On demand ☐ Extraordinary ☒ Periodic
2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024.
Contents of disclosure: Annual Report 2024.



3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21 tháng 03 năm 2025 tại địa chỉ: <https://www.tcsc.vn/Về TCSC/TCSC/Quan hệ cổ đông/Báo cáo thường niên>

This information was published on the company website's on 21 March 2025, as in the link <https://www.tcsc.vn/About TCSC/TCSC/Investor Relations/Annual report>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct, we bear the full responsible to the law.

Ngày 21 tháng 03 năm 2025

21 March 2025

Người được ủy quyền công bố thông tin
Person Authorized To Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



TRỊNH TẤN LỰC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG
THANHCONG SECURITIES COMPANY**

MỤC LỤC

1. Thông tin chung/ General information	3
1.1 Thông tin khái quát/ General information	3
1.2 Quá trình hình thành và phát triển/ Establishment and development process	3
1.3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business	7
1.4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus.....	9
1.5 Định hướng phát triển/ Development orientations.....	11
1.6 Các rủi ro/ Risks.....	12
2. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year	12
2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations	12
2.2 Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource	14
2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment activities, project implementation.....	18
2.4 Tình hình tài chính/ Financial situation	20
2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity	21
2.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community	22
3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management	22
3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results	22
3.2 Tình hình tài chính/ Financial Situation	23
3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, and management	26
3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in future	26
3.5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)/ Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any)	27
4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation	27
4.1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation	27
4.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ Assessment of Board of Directors on Boards of Managements performance	30
4.3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị / Plans and orientations of the Board of Directors	31
5. Quản trị công ty/ Corporate governance.....	31
5.1 Hội đồng quản trị / Board of Directors	31
5.2 Ban Kiểm soát/ Board of supervisors	40

5.3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban giám đốc/ Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of supervisors and Board of Management	41
6.	Báo cáo tài chính hợp nhất/ Consolidated interim financial statements	43
6.1	Ý kiến của kiểm toán viên/ Auditor's opinions	43
6.2	Báo cáo tài chính được kiểm toán/ Audited financial statements	43

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

1. Thông tin chung/ General information

1.1 Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần chứng khoán Thành Công**
Trading name: ThanhCong Securities Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 81/UBCK-GP
Business Registration Certificate No.: 81/UBCK-GP
- Vốn điều lệ: 1.156.209.640.000 đồng (Một nghìn một trăm năm mươi sáu tỷ hai trăm linh chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)
Owner's capital: VND 1,156,209,640,000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.156.126.290.000 đồng (Một nghìn một trăm năm mươi sáu tỷ một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)
Owner's capital: VND 1,156,126, 290,000
- Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
Address: Floor 2, No. 6 Ho Tung Mau St., Nguyen Thai Binh Ward, Dist. 1, HCM City
- Số điện thoại: (028) 38 27 05 27 Fax: (028) 38 21 80 10
Telephone: (028) 38 27 05 27 Fax: (028) 38 21 80 10
- Website: <https://www.tcsc.vn>
- Mã cổ phiếu: TCI
Securities code: TCI

1.2 Quá trình hình thành và phát triển/ Establishment and development process

2008	31 tháng 01	Các cổ đông sáng lập nhận được Phê chuẩn chính thức từ SSC cho phép thành lập TCSC với 03 lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tự doanh chứng khoán. Vốn điều lệ của TCSC là 360 tỷ đồng. The founding shareholders have received official approval from the State Securities Commission (SSC) to establish TCSC with three business areas: securities brokerage, investment advisory, and proprietary trading. The charter capital of TCSC is 360 billion VND
2008	01 tháng 02	TCSC được thành lập với trụ sở chính tại số 36 đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. TCSC was established with its headquarters at 36 Tay Thanh Street, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.
2008	06 tháng 3	TCSC trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) với giấy phép số 88/GCNTVLK. TCSC became a member of the Vietnam Securities Depository (VSD) with license number 88/GCNTVLK.
2008	24 tháng 6	TCSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HaSTC). TCSC became a member of the Hanoi Securities Trading Center (HaSTC).

2008	25 tháng 6	TCSC được chính thức công nhận là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE). TCSC was officially recognized as a member of the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE).
2008	16 tháng 8	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất. TCSC held its first General Meeting of Shareholders.
2008	09 tháng 9	TCSC tổ chức lễ khai trương và thông báo việc liên kết với đối tác chiến lược quốc tế hàng đầu – Công ty Đại chúng Chứng khoán Seamico. TCSC held an opening ceremony and announced its partnership with a leading international strategic partner – Seamico Securities Public Company.
2009	12 tháng 01	TCSC đủ tiêu chuẩn tham gia giao dịch trực tuyến và giao dịch qua Website tại HOSE. TCSC meets the standards to participate in online trading and web-based trading on HOSE.
2009	31 tháng 3	TCSC đủ tiêu chuẩn tham gia giao dịch từ xa tại HaSTC. TCSC meets the standards to participate in remote trading on HaSTC.
2009	24 tháng 4	TCSC đăng ký trở thành công ty đại chúng. TCSC registered to become a public company.
2009	29 tháng 4	Seamico chính thức mua lại 18.88% cổ phần TCSC để trở thành đối tác chiến lược của TCSC. Seamico officially acquired 18.88% of TCSC's shares to become a strategic partner of TCSC.
2009	13 tháng 5	Thành lập chi nhánh Hà Nội theo quyết định 301/QĐ-UBCK với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán. Establish a Hanoi branch according to decision 301/QĐ-UBCK with the following services: securities brokerage, investment advisory, and securities custody.
2009	27 tháng 5	Bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán theo quyết định số 238/UBCK-GP. Add the service of securities underwriting according to decision number 238/UBCK-GP.
2009	11 tháng 7	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ hai. TCSC held its second General Meeting of Shareholders.
2010	28 tháng 01	Dời trụ sở chính về Lầu 3&5 Tòa nhà Centec – số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3, TP.HCM Relocate the headquarters to The 3rd and 5th floors of Centec Building – 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai Street, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City.
2010	12 tháng 3	TCSC được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại HNX TCSC has been approved to participate in online trading at HNX.
2010	27 tháng 3	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ ba. TCSC held its third General Meeting of Shareholders.

2010	11 tháng 5	Đóng cửa chi nhánh Hà Nội. <i>Close the Hanoi branch.</i>
2010	14 tháng 6	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông bất thường. <i>TCSC held an extraordinary General Meeting of Shareholders.</i>
2010	11 tháng 11	TCSC được UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến. <i>TCSC has been approved by the State Securities Commission (UBCKNN) to register for providing online securities trading services.</i>
2010	24 tháng 11	TCSC được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch tại HNX. <i>TCSC has been approved to participate in online trading on the HNX's registered trading market.</i>
2011	22 tháng 4	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ tư. <i>TCSC held its fourth General Meeting of Shareholders.</i>
2011	27 tháng 9	TCSC triển khai nghiệp vụ giao dịch ký quỹ. <i>TCSC has implemented margin trading services.</i>
2012	11 tháng 5	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ năm. <i>TCSC held its fifth General Meeting of Shareholders.</i>
2013	29 tháng 3	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ sáu. <i>TCSC held its sixth General Meeting of Shareholders.</i>
2014	24 tháng 3	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ bảy. <i>TCSC held its seventh General Meeting of Shareholders.</i>
2015	19 tháng 3	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ tám. <i>TCSC held its eighth General Meeting of Shareholders.</i>
2015	20 tháng 10	Dời trụ sở chính về Lầu 5, số 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM <i>Relocate the headquarters to the 5th Floor, 194 Nguyen Cong Tru Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.</i>
2016	31 tháng 3	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ chín. <i>TCSC held its ninth General Meeting of Shareholders.</i>
2017	30 tháng 6	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ mười <i>TCSC held its tenth General Meeting of Shareholders.</i>
2018	21 tháng 6	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ mười một <i>TCSC held its eleventh General Meeting of Shareholders.</i>
2018	05 tháng 9	Chính thức giao dịch sàn UpCoM với mã chứng khoán là "TCI" <i>Officially trades on the UpCoM exchange under the stock code "TCI."</i>
2018	20 tháng 11	Dời trụ sở chính về Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM <i>Relocate the headquarters to the 2nd Floor, 6 Ho Tung Mau Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.</i>
2018	17 tháng 12	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông bất thường <i>TCSC holds an Extraordinary General Meeting of Shareholders.</i>

2019	20 tháng 04	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 <i>TCSC holds the 2019 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2020	22 tháng 05	TCSC tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <i>TCSC conducts a written shareholder opinion survey</i>
2020	30 tháng 05	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 <i>TCSC holds the 2020 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2021	18 tháng 01	TCSC tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <i>TCSC conducts a written shareholder opinion survey</i>
2021	09 tháng 06	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 <i>TCSC holds the 2021 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2022	26 tháng 02	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 <i>TCSC holds the 2022 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2023	08 tháng 06	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 <i>TCSC holds the 2023 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2023	23 tháng 11	TCSC tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <i>TCSC conducts a written shareholder opinion survey</i>
2023	28 tháng 12	TCSC được chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu TCI trên sàn HOSE <i>TCSC is approved to register the listing of TCI shares on the Hochiminh Stock Exchange (HOSE).</i>
2024	26 tháng 01	Chính thức giao dịch sàn HOSE <i>TCI was officially listed and traded at the Hochiminh Stock Exchange (HOSE).</i>
2024	13 tháng 05	TCSC tăng vốn điều lệ từ 1.009.799.820.000 đồng lên 1.156.209.640.000 đồng <i>TCSC increased charter capital from 1.009.799.820.000 VND to 1.156.209.640.000 VND.</i>
2024	29 tháng 05	TCSC được chấp thuận là thành viên giao dịch Trái phiếu Doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam <i>TCSC was approved as a trading member in privately placed corporate bonds by Vietnam Stock Exchange.</i>
2024	17 tháng 06	TCSC tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024. <i>TCSC held the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.</i>
2024	28 tháng 06	TCSC được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh. <i>TCSC was granted the Certificate of eligibility for trading derivatives, Certificate of eligibility for provision of clearing and settlement services on derivatives transaction.</i>
2024	11 tháng 10	TCSC được chấp thuận là thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam. <i>TCSC was approved as a derivative securities trading member of the Vietnam Stock Exchange.</i>
2024	14 tháng 10	TCSC được chấp thuận kết nối giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh.

		TCSC was approved to connect for trading on the derivative securities market.
--	--	--

1.3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ **Business lines and locations of the business:**

• Ngành nghề kinh doanh/ **Business lines:**

- Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán
Securities brokerage and investment advisory services.

Chúng tôi cung cấp một chuỗi các dịch vụ gồm:

We provide a range of services including:

- Lập tài khoản giao dịch cho khách hàng
Opening trading accounts for clients.
- Nhận và thực thi lệnh mua/bán chứng khoán từ khách hàng
Receiving and executing buy/sell orders for securities from clients.
- Lưu ký chứng khoán
Securities custody
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
Securities investment advisory
- Cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán
Margin lending for securities trading
- Môi giới những giao dịch số lượng lớn
Brokerage for large-volume transactions

Ngoài ra chúng tôi còn cung cấp những dịch vụ:

In addition, we also provide the following services:

- Thông báo đến khách hàng kết quả giao dịch bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc điện thoại sau mỗi phiên giao dịch.
Notify clients of transaction results via email, SMS, or phone after each trading session.
- Cập nhật thông tin thị trường cho khách hàng bằng bản tin ngày, bản tin tuần, bản tin tháng và những báo cáo phân tích của công ty.
Provide market updates to clients through daily, weekly, and monthly newsletters, as well as company analysis reports.
- Tư vấn chiến lược đầu tư cho khách hàng thông qua những phân tích về tình hình kinh tế tổng quan, ngành, công ty,
Offer investment strategy advice to clients through analyses of the overall economic situation, industry trends, and company performance...
- Bảo lãnh phát hành và Tư vấn tài chính (Ngân hàng đầu tư)
Underwriting and Financial Advisory Services (Investment Banking).
 - Nghiệp vụ hỗ trợ, tư vấn, bảo lãnh phát hành, phân phối vốn liên quan đến các đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành tăng vốn, quyền bán thêm của nhà bảo lãnh phát hành, quản lý cổ đông.

Support services, advisory, underwriting, and capital distribution related to public stock offerings, capital increases, additional selling rights of underwriters, and shareholder management.

- TCSC còn định hướng tiến trình huy động vốn cho một doanh nghiệp, phát hành riêng lẻ, quyền phát hành và các dạng khác của việc thu hút vốn đầu tư.
TCSC also guides the fundraising process for a business, private placements, subscription rights, and other forms of investment capital attraction.

- Dịch vụ tư vấn về mua bán, sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp, mua bán tài chính, thiết lập việc cổ phần hóa và các nghiệp vụ hỗ trợ đính kèm.

Consulting services on mergers, acquisitions, business consolidation, financial transactions, equitization, and related support services.

- Giành quyền kiểm soát, thầu tóm ngược, chào thầu, chiến lược thuốc độc, quyền được bán theo, quyền buộc bán theo.

Acquiring control, reverse takeovers, tender offers, poison pill strategies, tag-along rights, and drag-along rights.

- Dịch vụ đầu tư và tư vấn tài chính của TCSC hỗ trợ khách hàng xác định mức giá chào mua hay bán ra, cấu trúc một thương vụ và thông thường là tìm kiếm một thương vụ tiến hành trôi chảy.

TCSC's investment and financial advisory services assist clients in determining bid or ask prices, structuring transactions, and typically ensuring smooth execution of deals.

- Tư vấn tái cấu trúc vốn: Nợ ưu tiên trả trước có thể chấp, nợ ưu tiên trả trước, nợ có thể chuyển đổi, nợ có thể trao đổi, cổ phiếu ưu đãi, nợ cổ đông, cổ phiếu thường.

Advisory on capital restructuring: Secured senior debt, unsecured senior debt, convertible debt, exchangeable debt, preferred stock, shareholder debt, common stock.

- Tư vấn sử dụng đòn bẩy tài chính: Đầu cơ vay nợ, tái cơ cấu vốn bằng vay nợ, tài trợ tài chính, phát hành trái phiếu.

Advisory on financial leveraging: Debt speculation, capital restructuring through debt, financial sponsorship, bond issuance.

- Tư vấn định giá dựa vào các mô hình tài chính hiện đại: Khách hàng của chúng tôi tin chắc rằng họ có thể luôn luôn đặt niềm tin vào chúng tôi. Sự thành công của những đối tác tin cậy đã thúc đẩy mối quan hệ khách hàng ngày càng được nhân rộng hơn.

Valuation advisory based on modern financial models: Our clients are confident that they can always trust us. The success of trusted partners has strengthened and expanded our client relationships.

- Tự doanh

Proprietary Trading

Hoạt động tự doanh được thực hiện theo nguyên tắc: đầu tư vào các công ty có giá trị, có kết quả kinh doanh tốt và thuộc nhóm ngành cơ bản. Tổng ngân sách đầu tư được Hội đồng quản trị phê duyệt theo từng lần.

Proprietary trading is conducted based on the principle of investing in companies with strong value, good business performance, and within fundamental industries. The total investment budget is approved by the Board of Directors on a case-by-case basis.

- Địa bàn kinh doanh/ ***Location of business:***

Địa bàn kinh doanh của TCSC tập trung chủ yếu tại khu vực các thành phố lớn như Tp.HCM và Hà Nội.

TCSC's business operations are primarily focused in major cities such as Ho Chi Minh City and Hanoi.

1.4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ ***Information about governance model, business organization and managerial apparatus***

- Mô hình quản trị/ ***Governance model***

TCSC áp dụng mô hình quản trị phù hợp với xu hướng hiện đại nhằm tạo nên tính linh hoạt nhưng an toàn trong hoạt động, có cơ chế báo cáo định kỳ, bất thường và giám sát chéo. Cụ thể mô hình theo chức năng gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ); Ban Kiểm soát (BKS), Hội đồng quản trị (HĐQT); thành viên HĐQT chuyên trách Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ, Ban điều hành (BDH) đứng đầu là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc bộ phận chức năng.

TCSC applies a governance model that aligns with modern trends to ensure flexibility while maintaining safety in operations. It includes mechanisms for regular and ad-hoc reporting, as well as cross-monitoring. Specifically, the functional structure includes: General Meeting of Shareholders (GMS); Board of Directors (BOD); Board of supervisors (BOS); BOD member specializes in Risk Management, Internal Control; Board of Management (BOM) led by the General Director, Deputy General Director, and department directors.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ ***Management structure***

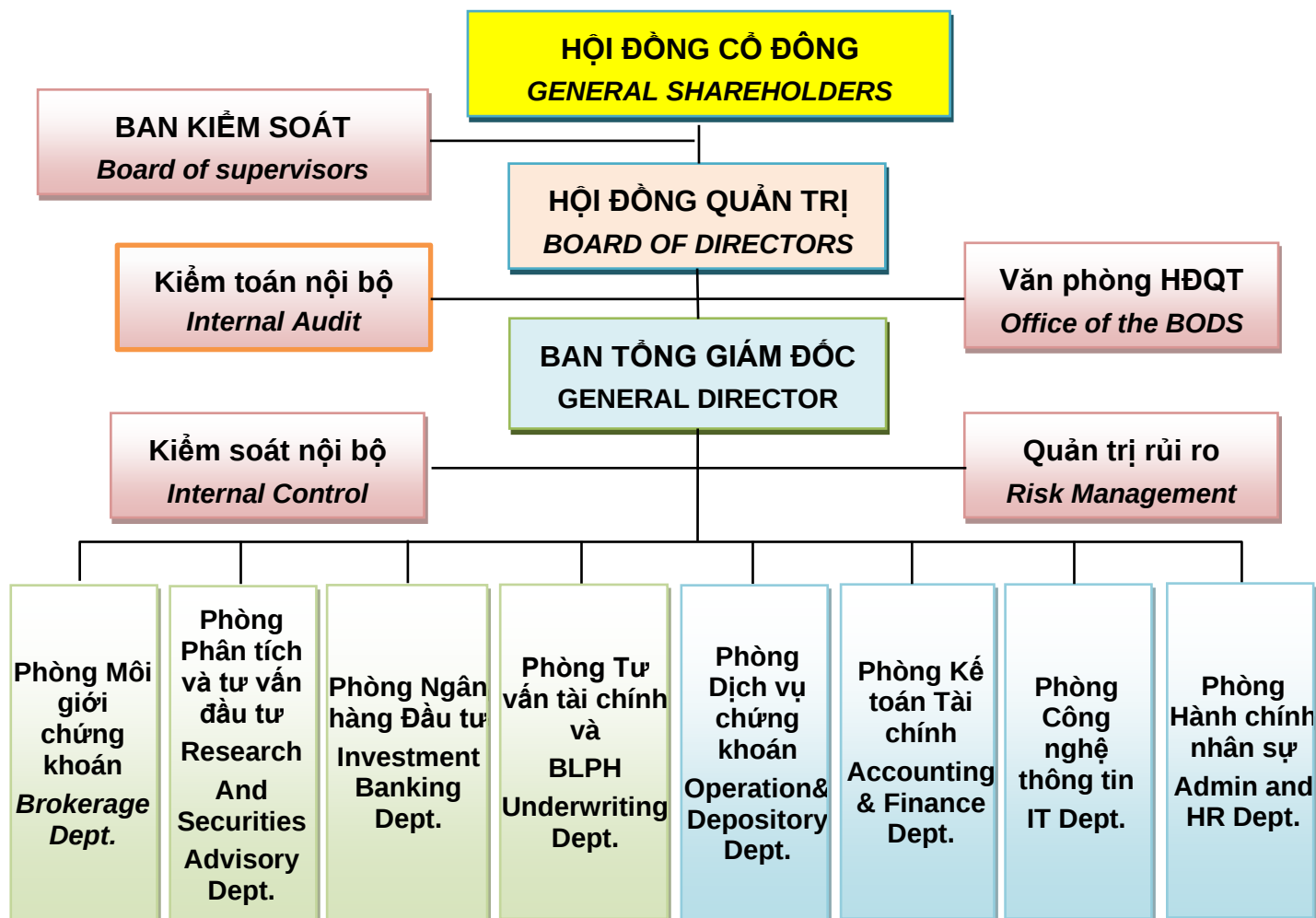
Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công và chịu trách nhiệm theo từng nhóm chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý chung và phụ trách mảng kinh, Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối vận hành và hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Hoạt động điều hành thông qua việc chỉ đạo, theo dõi, phân cấp, ủy quyền để giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của công ty đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

The company's organizational structure is based on the principle of task delegation and accountability according to functional groups, with close interrelations. The General Director oversees the general management and is responsible for the business sector, while the Deputy General Director oversees operations and supporting business

activities. Executive operations are conducted through direction, monitoring, delegation, and authorization to ensure smooth and efficient handling of tasks related to the company's operations.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức:

Organizational Structure Diagram:



• Các công ty con, công ty liên kết:

Subsidiaries, associated companies:

- Các công ty con

Subsidiaries

Tên công ty Name	Địa chỉ trụ sở chính Address	Hoạt động kinh doanh chính Major fields of business	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM) <i>Thanh Cong Asset</i>	Số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh <i>550 Au Co Street, Ward 10, Tân Bình</i>	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán <i>Securities investment fund management, portfolio</i>	100%	100%	100%

Tên công ty Name	Địa chỉ trụ sở chính Address	Hoạt động kinh doanh chính Major fields of business	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
<i>Management Company Limited (TCAM)</i>	<i>District, Ho Chi Minh City.</i>	<i>management, securities and investment advisory</i>			
Quỹ đầu tư Thành Công (TCIF) Thanh Cong Investment Fund (TCIF)	Số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh <i>550 Au Co Street, Ward 10, Tân Bình District, Ho Chi Minh City.</i>	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản Investment in securities or other types of investment assets, including real estate.	98%	98%	98%

- Công ty không có công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.
The company has no associated companies and no subordinate units.

1.5 Định hướng phát triển/ **Development orientations**

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty/ **Main objectives of the Company**

Hướng đến sự phát triển bền vững, học hỏi và sáng tạo nhằm mang đến các sản phẩm và dịch vụ tài chính ưu việt hỗ trợ nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Aiming for sustainable development, continuous learning, and innovation to deliver superior financial products and services that support the diverse investment needs of clients, while ensuring compliance with current legal regulations.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ **Development strategies in medium and long term**

- Chuyên nghiệp hóa nguồn lực, xây dựng đội ngũ nhân sự tinh nhuệ, tăng cường tư cách đạo đức nghề nghiệp theo sự chuẩn mực.

Professionalizing resources, building an elite workforce, and enhancing professional ethics in accordance with standards.

- Áp dụng linh động các gói khuyến khích đối với nhân viên tuyến đầu để tạo động lực tăng trưởng doanh thu, thị phần.

Flexibly applying incentive packages for frontline employees to drive revenue growth and market share expansion.

- Củng cố, chăm sóc tốt những khách hàng hiện có và phát triển có trọng tâm các khách hàng mới đặc biệt là các tổ chức và các cá nhân có chọn lọc.

Strengthening relationships with existing clients, providing excellent care, and strategically developing new clients, particularly selective organizations and individuals.

- Tập dụng các mối quan hệ của cổ đông lớn để tăng tính hỗ trợ giúp đỡ nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

Leveraging relationships with major shareholders to enhance support and drive revenue and profit growth.

- Kien toan he thong Cong nghe thong tin, ung dung cac cong nghe tien tien trong hoat dong quan tri va phuc vu khach hang.

Optimizing the IT system and applying advanced technologies in management and customer service operations.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Công ty/
Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

- Duy trì hoạt động thiện nguyện định kỳ, tham gia các chương trình vì cộng đồng nhằm chung tay và san sẻ những với những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Maintaining regular charitable activities, participating in community programs to join hands and support those in difficult circumstances.

- Hưởng ứng chủ trương xây dựng môi trường làm việc xanh, hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần và tăng cường trang trí cây xanh khu vực làm việc.

Supporting the initiative to create a green work environment by minimizing the use of single-use plastic products and increasing greenery in the workspace.

1.6 Các rủi ro/ ***Risks***

(Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty/ Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives)

- Sự tấn công mạng và an toàn thông tin.

Cyber attack and information security

- Sự thay đổi công nghệ.

Changes in technology.

- Sự bất ổn của nền kinh tế trong nước nói riêng và trong khu vực nói chung.

Economic instability domestically and regionally.

- Sự thay đổi của chính sách và pháp luật.

Changes in policies and legislation.

- Biến động nhân sự trong ngành.

Personnel fluctuations in the industry.

- Tình hình thiên tai.

Natural disaster situations.

- Tình hình dịch bệnh.

Pandemic situations.

2. Tình hình hoạt động trong năm/ ***Operations in the Year***

2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ ***Situation of production and business operations***

Trong năm 2024, tổng doanh thu của Công ty ghi nhận mức tăng trưởng 16,8% so với cùng kỳ năm 2023. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ các mảng hoạt động cốt lõi, bao gồm:

In 2024, the Company's total revenue recorded a growth of 16.8% compared to the same period in 2023. The primary growth drivers came from core business segments, including:

- o Doanh thu từ hoạt động đầu tư tăng trưởng mạnh 86,23%, trong đó Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) ghi nhận mức tăng 37,24% và Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) ghi nhận mức tăng 48,99% so với cùng kỳ năm trước.

Revenue from investment activities grew significantly by 86.23%, with gains from financial assets recognized through profit or loss (FVTPL) increasing by 37.24% and gains from available-for-sale (AFS) financial assets rising by 48.99% compared to the same period last year.

- o Doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ tăng mạnh 53,9%;
Revenue from margin lending surged by 53.9%.
- o Doanh thu hoạt động môi giới tăng 21,7%;
Brokerage revenue increased by 21.7%.
- o Tuy nhiên, áp lực lên nguồn thu tăng khi doanh thu từ hoạt động tài chính và đại lý phát hành chứng khoán sụt giảm mạnh, lần lượt giảm 94,4% và giảm 100% so với năm 2023.
However, revenue pressures intensified as financial income and revenue from securities issuance agency services declined sharply, decreasing by 94.4% and 100%, respectively, compared to 2023.

Ở chiều ngược lại, tổng chi phí năm 2024 ghi nhận ở mức hơn 173 tỷ đồng, tăng 31,9% so với cùng kỳ năm 2023. Áp lực chi phí tăng chủ yếu đến từ:

On the other hand, total expenses in 2024 were recorded at over VND 173 billion, reflecting a 31.9% increase compared to the same period in 2023. The rise in cost pressure was mainly driven by:

- o Chi phí hoạt động kinh doanh tăng hơn 18% so với năm 2023;
Business operation expenses increased by more than 18% compared to 2023.
- o Chi phí tài chính tăng hơn 87% so với năm 2023.
Financial expenses rose by over 87% compared to 2023.

Dẫn đến kết quả lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 ghi nhận đạt 58,8 tỷ đồng, giảm 12,6% so với năm 2023, trong khi đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất ghi nhận lãi 57 tỷ đồng, giảm 2,4% so với năm 2023.

As a result, the consolidated pre-tax profit for 2024 was recorded at VND 58.8 billion, a decrease of 12.6% compared to 2023. Meanwhile, the consolidated after-tax profit stood at VND 57 billion, down 2.4% from 2023.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Implementation situation/actual progress against the plan:

So với kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kết quả lợi nhuận đạt được năm 2024 chưa đạt kế hoạch đặt ra, theo đó lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế hợp nhất tương ứng chỉ đạt 58,3% và 70,7% so với kế hoạch đặt ra cho năm 2024.

Compared to the profit plan approved by the General Meeting of Shareholders, the profit results achieved in 2024 fell short of the set target. Accordingly, consolidated pre-tax profit and after-tax profit reached only 58.3% and 70.7%, respectively, of the planned figures for 2024.

2.2 Tổ chức và nhân sự/ **Organization and Human resource**

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:
Summary of the Board of Management Members' Profiles.

- **NGUYỄN ĐỨC HIẾU**
NGUYEN DUC HIEU

- ✓ Chức vụ: Tổng giám đốc
Position: General Director
- ✓ Chuyên môn: Thạc sỹ (Berlin School Of Economics And Law)
Specialization: Master's degree (Berlin School Of Economics And Law)
Cử nhân kiểm toán – Đại học KTQD
Bachelor of Auditing – National Economics University
- ✓ Quá trình công tác:
Work Experience:
2006 – 2010: Trưởng bộ phận – Công ty chứng khoán Ngân hàng Á Châu
Head of Department - Asia Commercial Bank Securities Co.
2010 – 2016: Phó giám đốc Quản lý danh mục đầu tư SSIAM
Deputy Director of Portfolio Management at SSIAM
2017 – 07/2018: Phó Tổng giám đốc – Công ty CP TMDV Tư Vấn ĐT Sài Gòn 3
Deputy General Director - Saigon 3 Investment Consultancy Trading and Service JSC
06/2018 – 12/2018: Thành viên HĐQT – Công ty CPCK Thành Công.
Member of the BOD – Thanh Cong Securities Co.
12/2018 – 05/2020: Tổng giám đốc – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công.
General Director - Thanh Cong Securities Company
05/2020 – Hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công.
05/2020 – Currently: Member of the BOD cum General Director - Thanh Cong Securities Company
- ✓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0%
The company's ownership percentage of voting shares: 0%

- **TRỊNH TẤN LỰC**
TRINH TAN LUC

- ✓ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Position: Deputy General Director
- ✓ Chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – Đại Học Mở Tp.HCM

Specialization: *Master of Finance and Banking - HCMC Open University*
Cử nhân Quản lý Công nghiệp – Đại học Bách khoa
Tp.HCM

Bachelor of Industrial Management - University of Science and Technology, HCMC

Cử nhân Luật kinh tế – Đại học Mở Tp.HCM

Bachelor of Economic Law - Ho Chi Minh City Open

University

✓ Quá trình công tác:

Work Experience:

2002 – 03/2005: Trưởng ca sản xuất – Hualon Corporation Vietnam

Production Team Leader - Hualon Corporation Vietnam

04/2005 – 05/2007: Chuyên viên hệ thống QLCL – Công ty CP Dệt may Thành Công

Quality Management System Specialist - Thanh Cong Textile Garment JSC

05/2007 - 02/2008: Trưởng Phòng Cơ lý Xưởng nhuộm – Công ty CP Dệt may Thành Công

Head of the Dyeing Workshop Mechanics Department - Thanh Cong Textile Garment JSC

02/2008 – 08/2017: Trưởng BP SOP – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công

SOP Department Head - Thanh Cong Securities Company

05/2013 – 08/2017: Thư ký Công ty – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công.

Company Secretary – Thanh Cong Securities Company

02/2014 – 08/2017: Trưởng BP Quản trị Rủi ro – Công ty CPCK Thành Công.

Head of Risk Management Department – Thanh Cong Securities Company

08/2017 – 12/2018: Tổng giám đốc – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công.

Chief Executive Officer - Thanh Cong Securities

Company

12/2018 – 01/2020: Giám đốc điều hành – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công.

Chief Executive Officer - Thanh Cong Securities Company

02/2020 – 04/2022: Phó Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công.

Deputy General Director, Company Secretary – Thanh Cong Securities Company

04/2022 – Hiện tại: Phó Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty – Công ty CP Chứng Khoán Thành Công

04/2022 – Currently: Deputy General Director, Company Secretary cum Corporate Governance Officer – **Thanh Cong Securities Company**

✓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0,006%

The company's ownership percentage of voting shares: 0.006%

▪ **PHẠM VIẾT LAN ANH**
PHAM VIET LAN ANH

✓ Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Position: Chief Financial Officer

✓ Chuyên môn: Tài chính - Trường Đại học Quốc gia Singapore (NUS)

Specialization: Finance - National University of Singapore (NUS)

Tài chính - Học viện CFA

Finance - CFA Institute

✓ Quá trình công tác:

Work Experience:

2007 – 2008: Chuyên viên Phân tích Kinh doanh – Ngân hàng Citibank, Singapore

Business Analyst – Citibank, Singapore

2008 – 2009: Chuyên viên Phân tích thị trường – Thomson Reuters, Singapore

Market Analyst – Thomson Reuters, Singapore

2009 – 2011: Phó phòng phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Deputy Head of Analysis Department – Bao Viet Securities

JSC

2011 – 2016: Quản lý đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Bản Việt

Investment Manager – Bao Viet Fund Management JSC

2017: Quản lý đầu tư – Maj Invest Vietnam

Investment Manager – Maj Invest Vietnam

2018: Giám đốc đầu tư – Công ty Cổ phần TMDV Tư Vấn Đầu tư Sài Gòn 3

Investment Director – Saigon 3 Investment Consulting Services JSC

2019 – 11/2023: Giám đốc tài chính – Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean

Chief Financial Officer (CFO) - Saigon 3 Jean Company

Limited

04/2023 – Hiện tại: Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital

04/2023 – Currently: General Director - Saigon 3 Capital Investment Co., Ltd

05/2023 – Hiện tại: Giám đốc Tài chính – Công ty CP Chứng khoán Thành Công.

05/2023 – Currently: Chief Financial Officer – Thanh Cong Securities Company

✓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0,003%

The company's ownership percentage of voting shares: 0,003%

▪ **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**
NGUYEN THI PHUONG THAO

✓ Chức vụ: Kế toán trưởng

Position: Chief Accountant

✓ Chuyên môn: Thạc sỹ kế toán – Đại học kinh tế Tp.HCM

Specialization: Master of Accounting – University of Economics Ho Chi Minh City

✓ Quá trình công tác:

Work Experience:

09/2007 – 02/2009: Chuyên viên kế toán thuế – Công ty TNHH Orange Fashion
Tax Accountant – Orange Fashion Limited Liability Company

02/2009 – 03/2010: Kế toán tổng hợp – CTCP Hóa Dầu CNC Hi-pec
General Accountant – CNC Hi-pec Petrochemical JSC

03/2010 – 07/2012: Chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Á Châu
Corporate Relationship Officer – Asia Commercial Bank (ACB)

08/2012 – 05/2017: Kế toán tổng hợp – CTCP Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Tp.HCM
General Accountant – Ho Chi Minh City Foreign Trade and Investment Development JSC

05/2017 – 10/2017: Kế toán tổng hợp – CTCP Bất Động Sản Tiến Phước
General Accountant – Tien Phuoc Real Estate JSC

10/2017 – 12/2017: Kế toán trưởng – CTCP Thương mại Bất Động Sản Sài Gòn 3
Chief Accountant – Saigon 3 Real Estate Trading JSC

06/2018 – 05/2022: Giám đốc tài chính – Công ty CP Chứng khoán Thành Công
Chief Financial Officer - Thanh Cong Securities Company

06/2022 – Hiện tại: Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán Thành Công.
06/2022 – Currently: Chief Accountant - Thanh Cong Securities Company

✓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 0%
The company's ownership percentage of voting shares: 0%

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động năm 2024:
Number of Employees and Employee Policies in 2024:

- Tổng số nhân sự tính tại thời điểm 31/12/2024: 102 cán bộ nhân viên (báo cáo hợp nhất).
Total number of employees as of December 31, 2024: 102 staff members (as per consolidated report).
 - Chính sách đối với người lao động:
Employee Policies:
 - ✓ Hỗ trợ chi phí điện thoại di động, đồng phục, chi phí gửi xe, tiền ăn trưa.
Support for mobile phone expenses, parking fees, uniform and lunch allowances.
 - ✓ Chúc mừng đám cưới, sinh con, sinh nhật, ...
Wedding, childbirth, and birthday congratulations, ...
 - ✓ Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
Annual health check-ups.
 - ✓ Gói bảo hiểm sức khỏe hàng năm.
Annual health insurance package.
 - ✓ Tổ chức các hoạt động phong trào: ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, Noel, Tết niên, hoạt động teambuilding hàng năm, ...
Organizing community activities: International Women's Day, Vietnamese Women's Day, Christmas, Year-end Party, and annual team building events, ...
 - ✓ Lì xì Tết âm lịch cho tất cả nhân viên.
Lunar New Year's lucky money for all employees.
 - ✓ Các chính sách khác theo quy định của nhà nước và pháp luật.
Other policies as per state regulations and the law.
 - Những thay đổi trong Ban điều hành/ **changes in the Board of Management:** (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm/ **List the changes in the Board of Management in the year**)
Không có / **Not any changes.**
- 2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ **Investment activities, project implementation**
- a) Các khoản đầu tư lớn/ **Major investments:**
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo báo cáo tài chính riêng là 420,9 tỷ đồng. Toàn bộ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) này là cổ phiếu niêm yết.
The fair value of available-for-sale (AFS) financial assets, as reported in the separate financial statements, is VND 420.9 billion. All these AFS financial assets are listed stocks.
 - Ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công là 60,5 tỷ đồng. Đây là khoản ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công theo Hợp đồng ủy thác đầu tư Số 01/2023/HDUT/TC02PS2S-TCAM ngày 25 tháng 9 năm 2023. Theo đó, Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công sẽ đảm nhận vai trò là đầu mối liên lạc với khách hàng, đứng danh chủ sở hữu tài sản theo danh mục đầu tư.
The entrusted investment to Thanh Cong Fund Management Co., Ltd. amounts to VND 60.5 billion. This investment entrustment was made under Investment Entrustment Contract No. 01/2023/HDUT/TC02PS2S-TCAM dated September 25, 2023. Accordingly, Thanh Cong Fund Management Co., Ltd. acts as the liaison with clients and holds ownership of assets under the investment portfolio.

- b) Các công ty con, công ty liên kết/ **Subsidiaries, associated companies:** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ **(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).**
- Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM)
Thanh Cong Asset Management Company Limited (TCAM)
 - Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
Core business activities: Securities investment fund management, securities portfolio management, and securities investment advisory.
 - Tình hình tài chính:
Financial performance:

Tổng Doanh thu năm 2024 ghi nhận mức 33,46 tỷ đồng tăng hơn 22,80 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương đương mức tăng 213.87%.

Total revenue in 2024 reached VND 33.46 billion, an increase of over VND 22.80 billion compared to the same period in 2023, equivalent to a 213.87% growth.

Tổng Chi phí năm 2024 ghi nhận ở mức 8,23 tỷ đồng tăng 2,42 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương đương mức tăng 41,68%, trong đó chi phí hoạt động kinh doanh tăng hơn 2,97 tỷ đồng và chi phí tài chính giảm mạnh 2,27 tỷ đồng chủ yếu đến từ việc hoàn nhập dự phòng chứng khoán.

Total expenses in 2024 were recorded at VND 8.23 billion, an increase of VND 2.42 billion compared to the same period in 2023, equivalent to a 41.68% rise. This includes a VND 2.97 billion increase in business operation expenses, while financial expenses dropped significantly by VND 2.27 billion, primarily due to the reversal of securities provision.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 ghi nhận mức lãi 25,23 tỷ đồng tăng hơn 20,38 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.

After-tax profit in 2024 was recorded at VND 25.23 billion, an increase of over VND 20.38 billion compared to the same period in 2023.
 - Quỹ đầu tư Thành Công (TCIF)
Thanh Cong Investment Fund (TCIF)
 - Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản.
Core business activities: Investing in securities and other investment assets, including real estate.
 - Tình hình tài chính:
Financial performance:
 - o Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện năm 2024 đạt 10,6 tỷ đồng tăng 38,2% so với năm 2023 (7,67 tỷ đồng).
Investment income realized in 2024 reached VND 10.6 billion, an increase of 38.2% compared to 2023 (VND 7.67 billion).
 - o Chi phí hoạt động năm 2024 là 1,07 tỷ đồng tăng 25,4% so với năm 2023 (0,85 tỷ đồng).
Operating expenses in 2024 amounted to VND 1.07 billion, up 25.4% from 2023 (VND 0.85 billion).
 - o Kết quả hoạt động năm 2024 đạt được là 15,07 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận đã thực hiện là 9,53 tỷ đồng và lợi nhuận chưa thực hiện là 5,54 tỷ đồng đến từ việc đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán.

The total performance result for 2024 was VND 15.07 billion, including realized profit of VND 9.53 billion and unrealized profit of VND 5.54 billion from securities investment revaluation.

2.4 Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Đơn vị *tính/Unit*: đồng/VND

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/Year 2023	Năm/ Year 2024	% tăng/giảm/ % <i>change ratio</i>
Tổng giá trị tài sản/ Total asset	1.883.816.340.057	2.216.064.210.338	17,64%
Doanh thu thuần/ Net revenue	169.124.272.211	228.816.678.549	35,29%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	67.283.250.212	59.340.326.183	-11,81%
Lợi nhuận khác/ Other profits	(13.358.382)	(569.881.803)	4.166,10%
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	67.269.891.830	58.770.444.380	-12,63%
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	58.439.353.458	57.042.139.075	-2,39%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	N/A		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ Basic earnings per share (đồng/cổ phiếu)/(VND/ 1 share)	504	491	-2,63%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*

Các chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ Year 2023	Năm/ Year 2024	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Current ratio (TSNH/Nợ ngắn hạn) (Short term Asset/ Short term debt)	3,16	2,17	
Hệ số thanh toán nhanh/ Quick ratio (TSNH – Các khoản cho vay)/Nợ ngắn hạn (Short term Asset – Loans)/ Short term debt	1,79	2,17	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%) / Capital structure Ratio			
Hệ số nợ/Tổng tài sản/ (Debt/Total assets)	29,92	43,64	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu/ (Debt/Owner's Equity)	42,70	77,44	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Vòng)/ Operation capability Ratio			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	0,09	0,10	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%) / Profitability			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (Profit after tax/ Net revenue)	34,55	24,93	

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (Profit after tax/ Total capital)	4,4	4,6	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (Profit after tax/ Total assets)	3,10	2,57	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Profit from business activities/ Net revenue)	39,78	25,93	

2.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ **Shareholders structure, change in the owner's equity.**

a) Cổ phần/ **Shares:**

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 115.620.964 cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.

Total outstanding shares: 115,620,964 freely transferable common shares.

b) Cơ cấu cổ đông/ **Shareholders structure:**

Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất là 4.025 cổ đông (**theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 13 tháng 03 năm 2025**). Cơ cấu cổ đông được phân theo: Tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn (chiếm từ 5% tổng số cổ phần trở lên), cổ đông nhỏ khác; Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài.

The total number of shareholders as of the most recent shareholder record date was 4,025 (based on the shareholder list finalized on March 13, 2025). The shareholder structure is categorized as follows: the ownership ratio of major shareholders (holding 5% or more of total shares) and other minor shareholders; institutional shareholders and individual shareholders; domestic shareholders and foreign shareholders.

▪ Phân theo tỉ lệ sở hữu/ **Specify by ownership percentages**

Tổng số cổ đông lớn là một (01) cổ đông, nắm giữ 63.351.059 cổ phần tương đương 54,79% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TCSC.

The total number of major shareholders is one (01) shareholder, holding 63,351,059 shares, equivalent to 54.79% of TCSC's total voting shares.

TT/No.	Tên cổ đông/ <i>Shareholder name</i>	Số lượng cổ phần nắm giữ/ <i>Number of shares held</i>	Tỉ lệ/ <i>Ratio</i>
1	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SÀI GÒN 3 CAPITAL SAIGON 3 CAPITAL INVESTMENT COMPANY LIMITED	63.351.059	54,79%
2	CỔ ĐÔNG KHÁC OTHER SHAREHOLDERS	52.269.905	45,21%
	Tổng cộng/ Total	115.620.964	100,00%

▪ Phân theo cổ đông tổ chức – cá nhân/ **Specify by institutional and Individual shareholders**

Tổng số cổ đông tổ chức là mười chín (19) và nắm giữ tổng cộng 75.191.366 cổ phần chiếm gần 65,03% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TCSC. Còn lại là cổ đông

cá nhân, số lượng cổ đông là 4.006 cổ đông nắm giữ 40.429.598 cổ phần chiếm 34,97% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

The total number of institutional shareholders is nineteen (19), holding a total of 75.191.366 shares, accounting for approximately 65,03% of TCSC's total voting shares. The remaining shareholders are individual shareholders, with a total of 4.006 shareholders holding 40.429.598 shares, representing 34,97% of the total voting shares.

- **Phân theo cổ đông trong nước – nước ngoài/ Specify by domestic and foreign shareholders**

Số lượng cổ đông trong nước chiếm đa số, cụ thể, số lượng cổ đông trong nước là 4.004 cổ đông nắm giữ 94,79% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, phần còn lại là cổ đông nước ngoài, số lượng là hai mươi một (21) cổ đông, nắm giữ tỷ lệ 5,21% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TCSC.

Most shareholders are domestic shareholders. Specifically, there are 4,004 domestic shareholders, holding 94,79% of the total voting shares. The remaining shareholders are foreign shareholders, with a total of twenty-one (21) shareholders, holding 5,21% of TCSC's total voting shares.

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:*
Không có/ **None.**

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ **Transaction of treasury stocks:**
Không có/ **None.**

- e) Các chứng khoán khác/ **Other securities:**
Không có/ **None.**

2.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ **Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company:**

Công ty luôn gắn trách nhiệm đối với xã hội, với cộng đồng bằng những hành động cụ thể như: hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ nộp quỹ phòng chống thiên tai. Tích cực tham gia ủng hộ các chương trình từ thiện, thiện nguyện cho trẻ em mồ côi và người già neo đơn,

The company always upholds its responsibility to society and the community through concrete actions, such as fulfilling tax obligations and contributing to the disaster prevention fund. It actively participates in charitable programs, supporting orphans and the elderly in need.

3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ **Reports and assessments of the Board of Management**

3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ **Assessment of operating results**

- Phân tích tổng quan về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2024 so với trước đây:

Overview of the Company's Business Performance in 2024 Compared to Previous Years

Trong năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh đạt được chưa như kỳ vọng của Ban giám đốc cả về mặt doanh thu và lợi nhuận. Những tác động tiêu cực từ các khó khăn chung của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban Giám đốc, kết quả năm 2024 ghi nhận:

In 2024, the Company's business performance did not meet the expectations of the Board of Directors in terms of both revenue and profit. The negative impact of domestic

and global economic challenges significantly affected the Company's results. However, thanks to the efforts of the Board of Directors, the 2024 results recorded:

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 58,8 tỷ đồng,

Consolidated pre-tax profit of VND 58.8 billion,

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là hơn 57 tỷ đồng.

Consolidated after-tax profit of over VND 57 billion.

So với kết quả thực hiện năm liền trước, thì Tổng doanh thu và thu nhập khác ghi nhận 231,9 tỷ đồng, tăng 16,8% so với ghi nhận năm 2023, trong đó doanh thu hoạt động ghi nhận năm 2024 đạt khoảng 228,8 tỷ đồng, tăng 35,3% so với ghi nhận năm 2023. Tổng chi phí năm 2024 ghi nhận 173,1 tỷ đồng, tăng 31,9% so với cùng kỳ năm 2023, kéo theo đó làm Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm tương ứng lần lượt là 12,6% và 2,4% so với kết quả thực hiện năm 2023. Kết quả này cũng chưa đáp ứng được kế hoạch kỳ vọng đã đặt ra cho năm 2024.

Compared to the previous year, total revenue and other income reached VND 231.9 billion, reflecting a 16.8% increase from 2023. Specifically, operating revenue in 2024 was approximately VND 228.8 billion, marking a 35.3% increase from 2023. However, total expenses in 2024 amounted to VND 173.1 billion, up 31.9% from the same period in 2023, leading to a 12.6% decline in pre-tax profit and a 2.4% decline in after-tax profit compared to 2023. Despite these efforts, the results fell short of the planned targets set for 2024.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *The Company's achievements:*

Bên cạnh những khó khăn chung của thị trường đã phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024, Công ty đã mở rộng dải sản phẩm dịch vụ cung cấp liên quan ngành nghề kinh doanh. Cụ thể đó là, đã được chấp thuận làm thành viên tham gia thị trường giao dịch trái phiếu riêng lẻ và các dịch vụ thị trường chứng khoán phái sinh. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục duy trì hoạt động chuẩn hóa hệ thống quản lý cũng như đẩy mạnh công tác số hóa vận hành và cam kết theo đuổi sự phù hợp hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

In addition to the overall market challenges reflected in the Company's performance in 2024, the company has expanded its product and service related to its business lines. Specifically, it has been approved as a member of the private bond trading market and the derivatives market. Furthermore, the Company continues to standardize its management system, enhance digital transformation in operations, and remains committed to aligning its management system with the ISO 9001:2015 standards.

3.2 Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a. Tình hình tài sản/ *Assets*

		Đơn vị tính: Đồng Unit: VND	
	TÀI SẢN ASSETS	31/12/2023	31/12/2024
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN <i>Current assets</i>	1.728.033.588.386	2.077.520.343.415
I.	Tài sản tài chính <i>Financial assets</i>	1.725.844.545.339	2.072.840.324.110
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	363.752.044.016	264.497.973.756

Cash and cash equivalents		
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) Financial assets at fair value through profit and loss (FVTPL)	
	53.653.680.000	71.217.782.500
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) Held – to – maturity investments (HTM)	
	5.000.000.000	444.996.110.553
4.	Các khoản cho vay Loans	
	745.985.480.831	707.444.350.402
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) Available – for – sale financial assets (AFS)	
	535.866.930.600	562.638.138.000
6.	Các khoản phải thu Receivables	
	18.514.480.174	17.020.064.087
7.	Trả trước cho người bán Prepayments to suppliers	
	823.133.909	174.000.000
8.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp Receivables from services provided by the Company	
	2.983.105.809	4.905.103.443
9.	Các khoản phải thu khác Other receivables	
	4.000.000.000	1.835.855.283
10.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu Provisions for impairment	
	(4.734.310.000)	(1.889.053.914)
II.	Tài sản ngắn hạn khác Other current assets	
	2.189.043.047	4.680.019.305
1.	Tạm ứng Advance Payment	
	25.851.060	49.534.494
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn Short-term Prepaid Expenses	
	2.163.191.987	4.630.484.811
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	
	Non – current assets	
I.	Tài sản tài chính dài hạn Non – current financial assets	
	66.540.994.120	41.678.050.000
1.	Các khoản đầu tư Investments	
	66.540.994.120	41.678.050.000
1.1.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Held-to-Maturity Investments	
	-	-
1.2.	Đầu tư dài hạn khác Other Long-term Investments	
	66.540.994.120	41.678.050.000
II.	Tài sản cố định Fixed assets	
	16.553.924.621	13.961.649.541
1.	Tài sản cố định hữu hình Tangible Fixed Assets	
	6.259.642.631	4.928.332.662
	- Nguyên giá Original Cost	
	21.531.376.257	22.348.299.157
	- Giá trị hao mòn lũy kế	
	(15.271.733.626)	(17.419.966.495)

Accumulated Depreciation			
2.	Tài sản cố định vô hình Intangible Fixed Assets	10.294.281.990	9.033.316.879
	- Nguyên giá Original Cost	36.112.146.459	37.817.106.459
	- Giá trị hao mòn lũy kế Accumulated Amortization	(25.817.864.469)	(28.783.789.580)
III.	Tài sản dài hạn khác Other current assets	72.687.832.930	78.374.167.382
	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		
1.	Pledge, Mortgage, Long-term Deposits, and Guarantees	1.723.400.000	1.757.300.000
2.	Chi phí trả trước dài hạn Long-term Prepaid Expenses	2.156.023.637	2.751.662.729
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán Payment Support Fund Deposits	7.859.409.869	9.793.188.642
4.	Tài sản dài hạn khác Other Long-term Assets	-	10.001.923.443
5.	Lợi thế thương mại Goodwill	60.948.999.424	54.070.092.568
TỔNG CỘNG TÀI SẢN TOTAL ASSETS		1.883.816.340.057	2.216.064.210.338

b. Tình hình nợ phải trả/ **Debt Payable**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.
Current Debt Situation and Significant Changes in Liabilities.

Đơn vị tính: Tỷ đồng
Unit: Billion VND

	Số đầu năm <i>Beginning Balance</i>	Số vay trong năm <i>Loans During the Year</i>	Số trả trong năm <i>Repayments During the Year</i>	Số cuối năm <i>Ending Balance</i>
Vay ngắn hạn các bên liên quan Short-term Loans from Related Parties	-	-	-	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác Short-term Loans from Other Organizations	200	1.684	(1.393)	492
Cộng/ Total	200	1.684	(1.393)	492
Trái phiếu phát hành ngắn hạn Short-term Issued Bonds	300	400	(300)	400
	300	400	(300)	400

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ **Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.**

Không có/ **None.**

3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ **Improvements in organizational structure, policies, and management**

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ **Improvements in organizational structure, policies, and management.**

Hầu hết các hoạt động của các bộ phận, đặc biệt là các bộ phận nghiệp vụ đều được quy trình hóa và tài liệu hóa rõ ràng minh bạch, công khai.

Most departmental activities, especially those related to business operations, have been systematically structured and documented with clarity, transparency, and openness.

Các chính sách về nhân sự, lương, thưởng của công ty được hoàn thiện, đánh giá dựa vào sự hiệu quả và đóng góp cụ thể đảm bảo các lợi ích và công bằng cho người lao động.

The company's policies on human resources, salaries, and bonuses have been refined and are evaluated based on efficiency and specific contributions, ensuring fairness and benefits for employees.

- Các biện pháp kiểm soát: Công ty duy trì bộ phận đảm trách việc xây dựng quy trình, giám sát và kiểm tra chất lượng hệ thống định kỳ hàng quý và kỳ đánh giá nội bộ hàng năm nhằm đảm bảo việc tuân thủ thực hiện của các bộ phận liên quan đồng thời tìm kiếm các cơ hội cải tiến.

Control Measures: The company maintains a dedicated department responsible for process development, periodic system monitoring, and quality inspections on a quarterly basis, along with an annual internal evaluation. This ensures compliance across relevant departments while also identifying opportunities for improvement.

3.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai/ **Development plans in future**

- Đầu tư nghiên cứu sản phẩm tài chính phù hợp và chuyên nghiệp trong hoạt động phục vụ khách hàng.

Investing in the research and development of professional and suitable financial products to enhance customer service.

- Tập trung khai thác các khách hàng là tổ chức và phục vụ khách hàng chuyên sâu.
Focusing on institutional clients and providing in-depth customer service.
- Cơ cấu sắp xếp và ổn định bộ khung nhân sự của Ban điều hành và phòng ban chức năng. Tăng cường hoạt động đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ.
Structuring, organizing, and stabilizing the personnel framework of the Executive Board and functional departments. Strengthening training activities to improve workforce quality.
- Triển khai các gói khuyến khích để kịp thời động viên và khơi gợi sự cống hiến của nhân viên.
Implementing incentive programs to promptly motivate and inspire employee dedication.
- Áp dụng công nghệ và nâng cấp cải tiến hệ thống giao dịch.
Applying technology and upgrading the trading system.
- Tiếp tục tăng cường hoạt động thu xếp, tìm kiếm nguồn hỗ trợ tài chính để bổ trợ cho hoạt động kinh doanh.
Continuing efforts in financial arrangement and sourcing additional financial support to strengthen business activities.
- Đảm bảo tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh.
Ensuring strict compliance with legal regulations in business operations.

3.5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)/ ***Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any)***

Không có/ ***None.***

4. ***Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty/ Assessments of the BOD on the Company's operation***

4.1 ***Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty/ Assessments of the BOD on the Company's operation***

Bức tranh khó khăn của nền kinh tế thế giới cũng như trong nước nói chung và của toàn ngành chứng khoán nói riêng là không thể phủ nhận. Việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh đã không được như kỳ vọng và do vậy khép lại năm 2024, các chỉ tiêu kinh doanh đạt được chưa đáp ứng những gì Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đánh giá các mảng kinh doanh mang lại nguồn thu cho Công ty, HĐQT thấy rằng Hoạt động tự doanh tiếp tục đóng vai trò chủ lực, ghi nhận tổng doanh thu 93,60 tỷ đồng, bao gồm 73,5 tỷ đồng từ lãi FVTPL và 20,1 tỷ đồng từ AFS. Tuy nhiên, cũng ghi nhận khoản lỗ FVTPL 37,6 tỷ đồng. Doanh thu từ lãi cho vay ký quỹ và các khoản phải thu đạt 84,15 tỷ đồng, trong khi chi phí lãi vay ở mức 44,2 tỷ đồng. Mảng môi giới ghi nhận doanh thu 30,2 tỷ đồng, tuy nhiên chi phí môi giới cũng ở mức cao 31,1 tỷ đồng, dẫn đến biên lợi nhuận mảng này không đáng kể. Mảng bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán không phát sinh doanh thu trong kỳ. Kết quả, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế là 58,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 57 tỷ đồng, và tổng thu nhập toàn diện âm 128,2 tỷ đồng. Dù kết quả chưa đạt kỳ vọng, Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên, đồng thời xác định tiếp tục kiên định mục tiêu phát triển bền vững, chuyên nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng, sẵn sàng nắm bắt cơ hội khi thị trường cải thiện.

The challenging landscape of both the global and domestic economies, as well as the securities industry in particular, is undeniable. Business targets have not been met as expected, and as 2024 comes to a close, the achieved business indicators have fallen short of the goals set by the General Meeting of Shareholders. Revenue from margin

lending and receivables reached VND 84.15 billion, while interest expenses stood at VND 44.2 billion. The brokerage segment recorded VND 30.2 billion in revenue, but brokerage costs were also high at VND 31.1 billion, resulting in an insignificant profit margin for this segment. The underwriting and securities issuance agency segment did not generate any revenue during the period. As a result, the Company reported a pre-tax profit of VND 58.8 billion, after-tax profit of VND 57 billion, and a total comprehensive income of negative VND 128.2 billion.0020Despite these results falling short of expectations, the Board of Directors highly appreciates the efforts of the Executive Board and all employees. At the same time, the Company remains steadfast in its commitment to sustainable, professional, and socially responsible development, positioning itself to seize opportunities as the market improves.

Ngoài ra, công tác cải tiến, rà soát để hoàn thiện công tác quản trị điều hành, số hóa các hoạt động quản trị vận hành Công ty luôn được đề cao. Điều này giúp Công ty cũng cố vững chắc nội lực để chuẩn bị cho sự thuận lợi hơn của thị trường và khi đó giúp Công ty sẵn sàng đón bắt cơ hội để hướng tới một năm 2025 với kết quả khả quan hơn.

Additionally, the Company continues to emphasize process improvements, governance reviews, and digitalization of its management and operational activities. These efforts strengthen the Company's internal foundation, ensuring readiness to capitalize on future market opportunities and strive for a more positive outcome in 2025.

Đơn vị tính: Tỷ đồng
Unit: Billion VND

Chi tiêu Items	2024 (Thực tế) (Actual)	2023 (Thực tế) (Actual)	% Thay đổi (Thực tế 24/Thực tế 23) % Change (2024 Actual / 2023 Actual)
	(a)	(b)	(c)=(a-b)/(b)
Tự doanh Proprietary Trading	93,60	67,05	39,60%
Hoạt động cho vay Lending Activities	84,15	54,68	53,90%
Môi giới Brokerage	30,17	24,79	21,69%
Tư vấn phát hành Issuance Advisory	-	3,45	-100,00%
Lưu ký chứng khoán Securities Custody	0,96	0,96	-0,17%
Doanh thu khác Other Revenue	23,03	47,60	-51,61%
Tổng doanh thu Total Revenue	231,91	198,53	16,82%
Chi phí kinh doanh Business Expenses	76,18	64,48	18,14%
Chi phí điều hành Operating Expenses	96,96	66,77	45,21%
Tổng chi phí Total Expenses	173,14	131,26	31,91%
Lợi nhuận trước thuế Pre-tax Profit	58,77	67,27	-12,63%

- Tổng doanh thu: 231,91 tỷ đồng
Total Revenue : 231,91 Billion VND
- Tổng chi phí: 173,14 tỷ đồng

Total Expenses: 173,14 Billion VND
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2024: 58,77 tỷ đồng
Pre-tax Profit 2024: 58,77 Billion VND

Tình hình tài chính hợp nhất của công ty đến thời điểm 31/12/2024 như sau:

The Company's consolidated financial position as of December 31, 2024, is as follows:

Đơn vị tính: Đồng
Unit: VND

TỔNG TÀI SẢN	2.216.064.210.338
TOTAL ASSETS	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.077.520.343.415
CURRENT ASSETS	
I. Tài sản tài chính	2.072.840.324.110
Financial assets	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	264.497.973.756
Cash and cash equivalents	
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	71.217.782.500
Financial assets at fair value through profit and loss (FVTPL)	
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	444.996.110.553
Held – to – maturity investments (HTM)	
4. Các khoản cho vay	707.444.350.402
Loans	
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	562.638.138.000
Available – for – sale financial assets (AFS)	
6. Các khoản phải thu	17.020.064.087
Receivables	
7. Trả trước cho người bán	174.000.000
Prepayments to suppliers	
8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.905.103.443
Receivables from services provided by the Company	
9. Các khoản phải thu khác	1.835.855.283
Other receivables	
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(1.889.053.914)
Provisions for impairment	
II. Tài sản ngắn hạn khác	4.680.019.305
Other current assets	
1. Tạm ứng	49.534.494
Advance Payment	
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	4.630.484.811
Short-term Prepaid Expenses	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	138.543.866.923
NON – CURRENT ASSETS	
I. Tài sản tài chính dài hạn	41.678.050.000
Non – current financial assets	
II. Tài sản cố định	13.961.649.541
Fixed assets	
III. Tài sản dài hạn khác	78.374.167.382
Other current assets	

1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn Pledge, Mortgage, Long-term Deposits, and Guarantees	1.757.300.000
2. Chi phí trả trước dài hạn Long-term Prepaid Expenses	2.751.662.729
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán Payment Support Fund Deposits	9.793.188.642
4. Tài sản dài hạn khác Other Long-term Assets	10.001.923.443
5. Lợi thế thương mại Goodwill	54.070.092.568
TỔNG NGUỒN VỐN TOTAL CAPITAL	2.216.064.210.338
C. NỢ PHẢI TRẢ LIABILITIES	967.162.506.148
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU OWNERS' EQUITY	1.248.901.704.190
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu Owner's Contributed Capital	1.156.126.290.000
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý Asset Revaluation Surplus at Fair Value	(138.331.260.846)
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Charter Capital Supplementary Reserve	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ Financial and Operational Risk Provision Fund	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối Undistributed Profits	229.625.787.132
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát Non-controlling Interests	1.480.887.904

4.2 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ **Assessment of BOD on Boards of Managements performance**

HĐQT gồm các thành viên có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, quản trị cấp cao, có đủ thông tin để phân tích, định hướng, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban giám đốc để kịp thời, thường xuyên và đầy đủ; cụ thể:

The Board of Directors (BOD) consists of members with extensive experience in securities, finance, and senior management, possessing the necessary information to analyze, guide, direct, and oversee the Executive Board's activities in a timely, regular, and comprehensive manner. Specifically:

- Giám sát đảm bảo các hoạt động của Công ty được Ban điều hành quản lý đúng pháp luật, đúng Điều lệ Công ty.
Supervising to ensure that the Company's activities are managed by the Executive Board in compliance with the law and the Company's Charter.
- Chỉ đạo Ban điều hành giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc đột xuất. Các vấn đề lớn, quan trọng đều được HĐQT thảo luận kỹ có nghị quyết và giám sát quá trình thực hiện qua báo cáo tiến độ.
Directing the Executive Board to promptly resolve matters within its authority or urgent issues. Major and important matters are thoroughly discussed by the BOD, formalized through resolutions, and monitored for execution progress via regular reports.
- Theo dõi, cập nhật định kỳ tình hình tài chính, quản lý điều hành, nhân sự, quản lý chi phí của công ty thông qua các báo cáo từ Tổng Giám đốc, BKS.

Monitoring and periodically updating the Company's financial status, operational management, human resources, and cost management through reports from the CEO and Supervisory Board.

- Một cách tổng quát, qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban giám đốc đã triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kịp thời thông tin báo cáo theo thực tế.

Overall, through its oversight, the BOD acknowledges that the Executive Board has properly implemented the resolutions of the BOD and the General Meeting of Shareholders, while providing timely and accurate reporting based on actual conditions.

4.3 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT/ **Plans and orientations of the BOD:**

- Thúc đẩy và hỗ trợ phát triển đầy đủ các mảng tạo doanh thu, ưu tiên đẩy mạnh các mảng kinh doanh mang lại nguồn ổn định.

Promote and support the full development of revenue-generating segments, prioritizing business areas that provide stable income.

- Mở rộng phục vụ khách hàng cá nhân có giá trị tài sản cao và gia tăng số lượng khách hàng tổ chức thông qua các mối quan hệ của cổ đông lớn.

Expand services to high-net-worth individual clients and increase the number of institutional clients through relationships with major shareholders.

- Hoạt động đầu tư được chú trọng và phân bổ giải ngân với tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn.

Focus on investment activities with a high allocation of total capital for disbursement.

- Liên kết và phối hợp với đơn vị khác để tăng nguồn tài trợ hỗ trợ cho hoạt động phát triển mảng môi giới.

Collaborate with other entities to increase funding sources in support of brokerage development.

- Từng bước cung cấp và đa dạng các sản phẩm tài chính nhưng luôn đảm bảo kiểm soát tốt rủi ro.

Gradually introduce and diversify financial products while ensuring effective risk control.

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung, nâng cấp hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển kinh doanh và kiểm soát tốt rủi ro, đặc biệt là rủi ro tấn công mạng và an toàn thông tin.

Continue investing in, upgrading, and enhancing technology infrastructure to support business growth and strengthen risk management, especially risks relating to cyber attack and information security.

- Kiên định với đường hướng phát triển Công ty, bằng việc tiếp tục với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt và tranh thủ sự hỗ trợ từ các cổ đông lớn, HĐQT kỳ vọng đặt mục tiêu tăng trưởng cho năm 2024 khi mà các khó khăn chung của nền kinh tế trong và ngoài nước dần sáng sủa hơn.

Stay committed to the Company's development strategy through decisive leadership and strong support from major shareholders. The Board of Directors aims for growth in 2024 as economic challenges, both domestic and global, begin to ease.

5. Quản trị công ty/ **Corporate governance**

5.1 Hội đồng quản trị/ **Board of Directors**

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT/ **Members and structure of the BOD:**

Tại thời điểm 31/12/2024, danh sách thành viên HĐQT gồm có 05 thành viên, chi tiết như sau:

As of December 31, 2024, the BOD consists of 5 members. Details as follows:

TT No.	Họ và tên Name	Năm sinh Year of birth	Chức vụ Position	Tỉ lệ sở hữu cổ phần Percentage of shares ownership	Số lượng chức danh TV.HĐQT/Quản lý khác đang nắm giữ tại các công ty khác Number of positions such as BODs' member/Manager holding at other companies
1	Ông Nguyễn Khánh Linh Mr. Nguyen Khanh Linh	1975	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật Chairman of the BOD Legal Representative	0	03
2	Ông Nguyễn Quốc Việt Mr. Nguyen Quoc Viet	1981	Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairman of the BOD	0	03
3	Ông Nguyễn Đông Hải Mr. Nguyen Dong Hai	1981	Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairman of the BOD	0	01
4	Ông Nguyễn Đức Hiếu Mr. Nguyen Duc Hieu	1982	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Executive BOD member Cum General Director	0	0
5	Ông Phan Minh Trung Mr. Phan Minh Trung	1981	Thành viên độc lập HĐQT Independent BOD member	0	01

b) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/ Activities of the committees of the BOD

Không thành lập tiểu ban HĐQT do quy mô hoạt động chưa lớn và bộ máy cần đơn giản. Tuy vậy, từng thành viên HĐQT cũng đã phân mảng giám sát các hoạt động nghiệp vụ, phối hợp, chỉ đạo hoạt động đối với Ban điều hành. Cụ thể, một thành viên tham gia hỗ trợ hoạt động môi giới và quản trị rủi ro, một thành viên tham gia hỗ trợ hoạt động tự doanh và tư vấn đầu tư, một thành viên tham gia hoạt động Ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính, và một thành viên tham gia các hoạt động kiểm toán nội bộ, nhân sự cùng các vấn đề công nghệ.

The company has not established subcommittees within the BOD due to its relatively small operational scale and the need to maintain a streamlined structure. However, each board member has taken on specific supervisory roles to oversee and coordinate activities with the Board of Management. Specifically, one member supports brokerage and risk management activities, another member assists with proprietary trading and investment advisory operations, a third member focuses on investment banking and financial advisory services, the final member oversees internal auditing, human resources, and technology-related matters.

c) Hoạt động của HĐQT/ Activities of the BOD:

HĐQT hoạt động theo Điều lệ Công ty. HĐQT họp hàng quý hoặc khi có các vấn đề phát sinh. HĐQT có các chỉ đạo kịp thời liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được thực thi đầy đủ thông qua các cuộc họp HĐQT.

The BOD operates in accordance with the Company Charter. The Board convenes quarterly or whenever issues arise. It provides timely directives on matters within its authority. The rights and responsibilities of the Board are fully exercised through its meetings.

Dưới đây là tỉ lệ tham gia các buổi họp HĐQT của các thành viên HĐQT:

Below is the attendance rate of BOD (BOD) members at BOD meetings:

STT No.	Thành viên HĐQT BOD's member	Chức vụ Position	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ Attend- ance rate	Lý do không tham dự Reasons for absence
1.	Ông Nguyễn Khánh Linh Mr. Nguyen Khanh Linh	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of the BOD Legal Representative</i>	33/33	100%	
2.	Ông Nguyễn Quốc Việt Mr. Nguyen Quoc Viet	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of the BOD</i>	33/33	100%	
3.	Ông Nguyễn Đông Hải Mr. Nguyen Dong Hai	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of the BOD</i>	33/33	100%	
4.	Ông Nguyễn Đức Hiếu Mr. Nguyen Duc Hieu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc <i>Executive BOD member Cum General Director</i>	33/33	100%	
5.	Ông Phan Minh Trung Mr. Phan Minh Trung	Thành viên độc lập HĐQT <i>Independent BOD member</i>	33/33	100%	

Kết quả các cuộc họp được lập thành biên bản và triển khai cụ thể thông qua các nghị quyết, cụ thể như sau:

The outcomes of the meetings are documented in minutes and implemented through specific resolutions, as follows:

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution No.</i>	Ngày Date	Nội dung <i>Content</i>
1.	01/2024/NQ-HĐQT	02/01/2024	- Thông qua việc hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty (Cổ phiếu TCI) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). <i>Approving the cancellation of the registration of stock transactions of the Company (TCI shares) at the Hanoi Stock Exchange (HNX).</i> - Thông qua nội dung liên quan đến việc niêm yết Cổ phiếu TCI tại HOSE. <i>Approving the content related to the listing of TCI shares at HOSE.</i>
2.	02/2024/NQ-HĐQT	12/03/2024	- Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024 với ngày dự kiến tổ chức Đại hội trước ngày 30/06/2024 theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. <i>Approving the extension of the time to hold the 2024 Annual General Meeting of Shareholders with the proposed date before June 30, 2024, in accordance with the provisions of the Enterprise Law and the Company's Charter.</i>
3.	03/2024/NQ-HĐQT	04/04/2024	- Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021. <i>Approving the implementation of the shares issuance plan to pay dividends in 2021.</i>
4.	04/2024/NQ-HĐQT	09/04/2024	- Thông qua việc triển khai chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2022. <i>Approving the implementation of the remuneration payment for the BOD and BOS in 2022.</i>
5.	05/2024/NQ-HĐQT	19/04/2024	- Thông qua kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2024. <i>Approving the business results of the First quarter of 2024.</i>
6.	06/2024/NQ-HĐQT	19/04/2024	- Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với ngày tổ chức họp dự kiến là ngày 17/06/2024. <i>Approving the organization of the Annual General Meeting of Shareholders in 2024, with the proposed meeting date being June 17, 2024</i>

7.	07/2024/NQ-HĐQT	19/04/2024	- Thông qua việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/11/2023 liên quan đến hoạt động kinh doanh và dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh. <i>Approving the implementation of the General Meeting of Shareholders resolution dated November 22, 2023, related to business activities and services for clearing and settling derivatives transactions</i> - Thông qua Chính sách Quản trị rủi ro của Công ty. <i>Approving the Company's Risk Management Policy.</i>
8.	08/2024/NQ-HĐQT	23/04/2024	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021. <i>Approving finalizing the list of shareholders to issue shares for paying dividends in 2021.</i>
9.	09/2024/NQ-HĐQT	26/04/2024	- Thông qua các nội dung đề nghị Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – CN TPHCM cấp tín dụng. <i>Approving the content of the request for credit approval from Vietnam Export-Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank) - HCMC Branch.</i>
10.	10/2024/NQ-HĐQT	03/05/2024	- Thông qua việc mượn mặt bằng và các giao dịch phát sinh có liên quan đến việc mượn mặt bằng với tổ chức có liên quan của CTCP Chứng khoán Thành Công do cùng chịu chung sự kiểm soát của CTCP Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group. <i>Approving the borrowing of premises and related transactions raising from the borrowing of premises with the relevant organization of Thanh Cong Securities Company which are under the common control of Saigon 3 Group Investment Development JSC.</i>
11.	11/2024/NQ-HĐQT	06/05/2024	- Thông qua việc sử dụng hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn, vay vốn, thế chấp/cầm cố tài sản bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. <i>Approving the use of short-term credit limits, loans, and and the mortgage/pledge of collateral at collateralization of assets at the Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade - Ho Chi Minh City branch</i>
12.	12/2024/NQ-HĐQT	17/05/2024	- Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021. <i>Approving the results of issuing shares to pay dividends for the year 2021.</i>
13.	13/2024/NQ-HĐQT	22/05/2024	- Thông qua chương trình họp và toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

			<i>Approving the meeting program and all documents of the Annual General Meeting of Shareholders 2024.</i>
14.	14/2024/NQ-HĐQT	15/06/2024	- Thông qua điều chỉnh, bổ sung các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. <i>Approving the adjustment and addition of documents for the 2024 Annual General Meeting of Shareholders</i>
15.	15/2024/NQ-HĐQT	19/06/2024	- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C để thực hiện soát xét và kiểm toán các báo cáo tài chính trong năm tài chính 2024 cho CTCP Chứng khoán Thành Công. <i>Approving the selection of A&C Audit and Consulting LLC to conduct the review and audit of the financial statements for the fiscal year 2024 for Thanh Cong Securities JSC.</i>
16.	16/2024/NQ-HĐQT	24/06/2024	- Thông qua thực hiện giao dịch tín dụng với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Tp.HCM. <i>Approving the implementation of credit transactions with Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Branch 1 Ho Chi Minh City.</i>
17.	17/2024/NQ-HĐQT	26/06/2024	- Thông qua việc sử dụng hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn, vay vốn với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Techcombank. <i>Approving the use of the short-term credit limit, loans from Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank - Techcombank</i>
18.	18/2024/NQ-HĐQT	28/06/2024	- Thông qua việc điều chỉnh mức lương của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng kể từ ngày 01/07/2024. <i>Adjusting the salary of the General Director, Deputy General Director, Chief Financial Officer, and Chief Accountant effective from July 1, 2024.</i>
19.	19/2024/NQ-HĐQT	22/07/2024	- Thông qua phương án vay vốn, kế hoạch sản xuất kinh doanh 12 tháng tới và các hồ sơ đính kèm hồ sơ cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. <i>Approving the capital loan plan, the production and business plan for the next 12 months, and the documents attached to the credit application at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade – Ho Chi Minh City Branch.</i>
			- Thông qua việc sử dụng hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn, vay vốn, thế chấp/cầm cố tài sản bảo đảm và thống nhất các nội dung điều kiện tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

			<i>Approving the use of short-term credit limits, loans, mortgages/pledges of collateral and agreement on credit terms at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade - Ho Chi Minh City Branch</i>
20	20/2024/NQ-HĐQT	22/07/2024	- Đồng ý thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng liên doanh Việt Nga – Chi nhánh TP. HCM với số tiền cho vay tối đa là 200 tỷ đồng. <i>Agree to establish a credit relationship with the Vietnam-Russia Joint Venture Bank – Ho Chi Minh City Branch, with a maximum loan amount of 200 billion VND</i>
21	21/2024/NQ-HĐQT	26/07/2024	- Thông qua các nội dung đề nghị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM cấp tín dụng. <i>Approving the contents of the proposal for credit granting by the Vietnam Export-Import Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch to provide credit.</i>
22	22/2024/NQ-HĐQT	29/07/2024	- Đồng ý thực hiện giao dịch tín dụng và thông qua các Hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. HCM với số tiền tối đa là 200 tỷ đồng. <i>Agree to proceed with the credit transaction and the related contracts between the Company and the Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Branch 1 in Ho Chi Minh City, with a maximum amount of 200 billion VND.</i>
23	23/2024/NQ-HĐQT	29/07/2024	- Thông qua việc sử dụng hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn, vay vốn, thế chấp/ cầm cố tài sản bảo đảm và thống nhất các nội dung điều kiện tín dụng với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Techcombank. <i>Approving the use of short-term credit limits, loans, mortgage/pledging of collateral, and the credit terms with Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank – Techcombank.</i>
24	24/2024/NQ-HĐQT	02/08/2024	- Thông qua việc ký kết Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công, là công ty con và tổ chức có liên quan của HĐQT. <i>Approving the signing of the Registration Form for opening a trading account for open-ended fund certificates with Thanh Cong Asset Management Company Limited, a subsidiary and affiliated entity of the BOD.</i>
			- Thông qua việc đầu tư vào chứng chỉ quỹ mở được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công, là công ty con và tổ chức có liên quan của HĐQT.

			<i>Approving the investment in open-ended fund certificates managed by Thanh Cong Asset Management Company Limited, a subsidiary and affiliated entity of the BOD.</i>
25	25/2024/NQ-HĐQT	27/08/2024	- Thông qua việc ký kết các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với CTCP Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group, là tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Khánh Linh – Chủ tịch HĐQT và Ông Nguyễn Quốc Việt – Phó Chủ tịch HĐQT. <i>Approving the signing of securities trading account opening contracts with Saigon 3 Group Investment Development JSC, an entity affiliated with Mr. Nguyen Khanh Linh – Chairman of the BOD, and Mr. Nguyen Quoc Viet – Vice Chairman of the BOD.</i>
26	26/2024/NQ-HĐQT	28/08/2024	- Thông qua nội dung “Vay hạn mức ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong”. <i>Approving the content of "Short-term borrowing under a credit limit at Tien Phong Commercial Joint Stock Bank.</i>
27	27/2024/NQ-HĐQT	28/08/2024	- Thông qua việc ký kết hợp đồng đảm bảo với tổ chức có liên quan của CTCP Chứng khoán Thành Công. <i>Approving the signing of a Guarantee contract with an affiliated entity of Thanh Cong Securities Company.</i>
28	28/2024/NQ-HĐQT	10/09/2024	- Thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Mộc Quế thực hiện phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ CTCP Chứng khoán Thành Công từ ngày 10/09/2024. <i>Approving the appointment of Ms. Nguyễn Thị Mộc Quế to oversee the Internal Audit Department at Thanh Cong Securities JSC starting from September 10, 2024.</i> - Thông qua Quy chế kiểm toán nội bộ của CTCP Chứng khoán Thành Công. <i>Approving the Internal Audit Regulations of Thanh Cong Securities Company.</i>
29	29/2024/NQ-HĐQT	18/09/2024	- Thông qua việc vay vốn của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. <i>Approving the capital loans from individuals to supplement working capital for the Company's business operations.</i>
30	30/2024/NQ-HĐQT	30/09/2024	- Thông qua Phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2024. <i>Approving the Plan to issue private placement bonds in 2024.</i>

31	31/2024/NQ-HĐQT	28/10/2024	Thông qua việc ký kết Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công, là công ty con và tổ chức có liên quan của HĐQT. <i>Approving the signing of the Fund Certificate Distribution Agreement with Thanh Cong Asset Management Company Limited, which is a subsidiary and an affiliated organization of the BOD.</i>
32	32/2024/NQ-HĐQT	29/10/2024	Thông qua việc đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đăng ký giao dịch trái phiếu) đối với trái phiếu do Công ty phát hành. <i>Approving the registration of bond transactions on the private corporate bond trading system of the Hanoi Stock Exchange (bond transaction registration) for bonds issued by TCSC.</i>
33	33/2024/NQ-HĐQT	13/11/2024	Đồng ý thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (VRB.HCM) với số tiền cho vay tối đa là 300 tỷ đồng. <i>Agree to establish a credit relationship with the Vietnam-Russia Joint Venture Bank – Ho Chi Minh City Branch (VRB.HCM) with a maximum loan amount of 300 billion VND.</i>
34	34/2024/NQ-HĐQT	10/12/2024	Căn cứ Nghị quyết 1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024, HĐQT thống nhất triển khai chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2023. <i>Based on Resolution 1 of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders (AGM), the Board of Directors (BOD) has unanimously agreed to proceed with the payment of remuneration for the BOD and the Supervisory Board for 2023.</i>
35	35/2024/NQ-HĐQT	20/12/2024	Hội đồng quản trị thống nhất gia hạn nhiệm kỳ Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Thành Công đến ngày 10/12/2027. <i>The Board of Directors has unanimously agreed to extend the term of the Chief Executive Officer (CEO) of Thanh Cong Securities Joint Stock Company until December 10, 2027.</i>

d) Hoạt động của thành viên HĐQT (TV.HĐQT) độc lập/ *Activities of the Independent BOD member.*

Thành viên HĐQT độc lập không tham gia hoạt động nghiệp vụ để đảm bảo có sự độc lập trong các quyết sách của Hội đồng quản trị. TV.HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia phản biện tính hợp lý, mức độ cần trọng và rủi ro trong quá

trình quản trị điều hành Công ty. Bên cạnh đó, TV.HĐQT độc lập đã có các góp ý xác đáng về kế hoạch kinh doanh, chia sẻ kiến thức với Ban Tổng giám đốc nhằm hoàn thiện hơn công tác vận hành, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực.

*The Independent BOD member **does not participate in operational activities to ensure independence in the decisions of the BOD. He also attended all meetings and provided critical evaluations on rationality, prudence, and risks in the Company's governance and management. Additionally, the independent BOD member offered valuable insights on business planning and shared expertise with the Management team to enhance operations, recruitment, and human resource development.***

- e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty/ **The members list of the BOD possessing certificates on corporate governance.**

Các thành viên HĐQT có kinh nghiệm quản trị Công ty. Trong đó, 2/5 thành viên đã hoàn tất khóa đào tạo và có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, các thành viên còn lại đang tiếp tục tham dự các lớp đào tạo về quản trị công ty.

The members of the BOD have experience in corporate governance. Among them, 2 of 5 members have completed training courses and obtained certificates in corporate governance, while the remaining members are continuing to attend corporate governance training programs.

5.2 Ban kiểm soát (BKS)/ **Board of supervisors (BOS)**

- a) Thành viên và cơ cấu của BKS/ **Members and structure of the BOS**

TT No.	Họ và tên Name	Năm sinh Year of birth	Chức vụ Position	Tỷ lệ sở hữu cổ phần Percentage of shares ownership	Ghi chú Note
1	Bà Trần Thị Nhân <i>Ms. Tran Thi Nhan</i>	1989	Trưởng BKS <i>Head of BOS</i>	0.00%	Bổ nhiệm 08/06/2023 Appointed on June 8, 2023
2	Bà Trương Thị Hồng Nhạn <i>Ms. Truong Thi Hong Nhan</i>	1988	Thành viên <i>Member BOS</i>	0.00%	Bổ nhiệm 08/06/2023 Appointed on June 8, 2023
3	Ông Nguyễn Trung Hiếu Mr. Nguyen Trung Hieu	1983	Thành viên <i>Member BOS</i>	0.00%	Bổ nhiệm 08/06/2023 Appointed on June 8, 2023

- b) Hoạt động của BKS/ **Activities of the BOS:**

- BKS xem xét hàng tháng báo cáo tài chính của Công ty. Trường hợp có thông tin hoặc kiểm tra thấy có bất thường thì BKS trực tiếp đến làm việc với Công ty.
The BOS reviews the company's financial statements monthly. In cases where there is information or findings indicating irregularities, the BOS will directly engage with the company.

- Tham gia các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý và đột xuất.
Participate in quarterly regular and ad hoc BOD meetings.

- Các cuộc họp làm việc định kỳ của BKS được tiến hành đầy đủ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS nhằm xem xét Báo cáo tài chính được soát xét bán niên và Báo cáo tài chính được kiểm toán năm.

The regular meetings of the BOS are conducted in full compliance with the provisions of the Charter and the Operating Regulations of the BOS, aiming to review the semi-annual reviewed financial statements and the annual audited financial statements.

5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban giám đốc/ ***Transactions, remunerations and benefits of the BOD, BOS and Board of Management***

5.3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích/ ***Salary, rewards, remuneration and benefits:***

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng với tổng số tiền là 8.558.615.277 đồng (năm trước là 6.466.172.165 đồng). Chi tiết được trình bày trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

The income of key management members includes salary and rewards with a total amount of VND 8,558,615,277 (previous year was VND 6,466,172,165). Details are presented in the notes of the financial statements.

a) Thành viên HĐQT / Board of Directors

Thù lao các thành viên HĐQT năm 2023 đã thực hiện chi trả theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong cuộc họp thường niên năm 2024. Thù lao 2024 sẽ trình cho Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Remuneration of BOD members for 2023 have paid in accordance with the Resolution approved by the AGM 2024. The remuneration for 2024 shall be submitted to the upcoming AGM 2025 for consideration and approval.

b) Thành viên BKS / Board of Supervisors

Thù lao các thành viên BKS thực hiện theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong cuộc họp thường niên năm 2024 và thù lao 2024 sẽ trình cho Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Remuneration of BOS members for 2023 have paid in accordance with the Resolution approved by the AGM 2024. The remuneration for 2024 shall be submitted to the upcoming AGM 2025 for consideration and approval.

c) Ban Tổng giám đốc / Board of Management

Lương, thưởng của các thành viên Ban Tổng giám đốc theo quy định Hợp đồng lao động và quyết định của HĐQT.

Salary, rewards/bonus of members of the Board of Management are based on the Labor Contract and the decision of the Board of Directors.

5.3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/ ***Share transactions by internal shareholders:*** (tính đến 31/12/2024/ ***As of December 31, 2024***):

Không phát sinh/ ***No occurrence.***

5.3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ **Contracts or transactions with internal shareholders:**

STT No.	Giao dịch Transaction	Ghi chú Note
1.	TCSC thông qua việc mượn mặt bằng và các giao dịch phát sinh có liên quan đến việc mượn mặt bằng để làm địa điểm làm việc dự phòng để sẵn sàng hoạt động trong trường hợp không thể tiếp cận Trụ sở chính vì một lý do nào đó với Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn là Tổ chức có liên quan của CTCP Chứng khoán Thành Công do cùng chịu chung sự kiểm soát của CTCP Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group. TCSC has approved the borrowing of premises and transactions arising from borrowing premises to serve as a backup workplace, to be ready for operation in case the Head Office cannot be accessed for some reason from Saigon Leather Garment JSC, which is an affiliated organization of TCSC due to being under the same control of Saigon 3 Group Investment Development JSC.	
2.	TCSC ký kết Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công, là Công ty con, tổ chức có liên quan của HĐQT. TCSC has signed the Registration Form to open a trading account for open-ended fund certificates with Thanh Cong Asset Management Company Limited, a subsidiary and affiliated entity of the BOD.	
3.	TCSC đầu tư vào chứng chỉ quỹ mở được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công là Công ty con, tổ chức có liên quan của HĐQT. Giá trị đăng ký đầu tư mua chứng chỉ quỹ tối đa là 50.000.000.000 đồng. TCSC has invested in open-ended fund certificates managed by Thanh Cong Asset Management Company Limited, a subsidiary and related entity of the BOD. The maximum registered investment value for purchasing the fund certificates is VND 50,000,000,000.	
4.	TCSC thông qua việc ký kết các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group là tổ chức có liên quan của HĐQT. TCSC has approved the signing of securities trading account opening contracts with Saigon 3 Group Investment Development JSC, which is a related entity of the BOD.	
5.	TCSC thông qua việc ký kết hợp đồng đảm bảo cho khoản vay hạn mức ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với Công ty Cổ phần May Da Sài Gòn là tổ chức có liên quan của CTCP Chứng khoán Thành Công do cùng chịu chung sự kiểm soát của CTCP Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group. TCSC has approved the signing of a guarantee agreement for the short-term credit limit loan at Tien Phong Commercial Joint Stock Bank, with Saigon Leather Garment JSC, an affiliated organization of TCSC, as the guarantor. Both entities are under the common control of Saigon 3 Group Investment Development JSC.	
6.	TCSC thông qua việc ký kết Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công là Công ty con, tổ chức có liên quan của HĐQT. TCSC has approved the signing of the Fund Certificate Distribution Agreement with Thanh Cong Asset Management Company Limited, which is a subsidiary and an affiliated organization of the BOD.	

5.3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ **Assessing the Implementation of regulations on corporate governance:**

Các quy định về quản trị Công ty luôn được chú trọng và tuân thủ nhằm đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động Công ty. Quy chế nội bộ quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS đã được rà soát, cập nhật bổ sung theo luật định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Corporate governance regulations are always prioritized and strictly adhered to ensure transparency in the company's operations. The Internal Corporate Governance Regulations, the BOD's Operating Regulations, and the BOS's Operating Regulations have been reviewed, updated, and supplemented in accordance with the law and approved by the General Meeting of Shareholders.

6. Báo cáo tài chính hợp nhất/ **Consolidated interim financial statements**

6.1 Ý kiến của kiểm toán viên/ **Auditor's opinions**

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."

"In our opinion, the consolidated financial statements fairly and accurately present, in all material respects, the consolidated financial position of Thanh Cong Securities Joint Stock Company as of December 31, 2024, as well as its consolidated financial performance, consolidated cash flows, and consolidated changes in equity for the fiscal year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the prevailing Vietnamese Enterprise Accounting System, relevant accounting guidelines applicable to securities companies, and other legal regulations related to the preparation and presentation of consolidated financial statements."

6.2 Báo cáo tài chính được kiểm toán/ **Audited financial statements**

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán (**công bố trên website Công ty tại đường link: [https://www.tcsc.vn/Về TCSC/TCSC/Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính/](https://www.tcsc.vn/Về_TCSC/TCSC/Quan_hệ_cổ_đông/Báo_cáo_tài_chính/)**) bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

The audited Consolidated Financial Statements and Parent Company Financial Statements (published on the Company's website at: [https://www.tcsc.vn/About TCSC/TCSC/Investor Relations/Financial Reports /](https://www.tcsc.vn/About_TCSC/TCSC/Investor_Relations/Financial_Reports_/)) have been audited by A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.077.520.343.415	1.728.033.588.386
I. Tài sản tài chính	110		2.072.840.324.110	1.725.844.545.339
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	264.497.973.756	363.752.044.016
1.1. Tiền	111.1		71.517.973.756	49.107.919.355
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		192.980.000.000	314.644.124.661
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3a,e	71.217.782.500	53.653.680.000
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	VI.3c	444.996.110.553	5.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	VI.3d	707.444.350.402	745.985.480.831
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	VI.3b,e	562.638.138.000	535.866.930.600
6. Các khoản phải thu	117		17.020.064.087	18.514.480.174
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	VI.4	-	2.722.537.500
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	VI.4	17.020.064.087	15.791.942.674
6.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		13.391.866.737	12.688.527.064
6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		3.628.197.350	3.103.415.610
7. Trả trước cho người bán	118	VI.4	174.000.000	823.133.909
8. Phải thu dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	119	VI.4	4.905.103.443	2.983.105.809
9. Các khoản phải thu khác	122	VI.4	1.835.855.283	4.000.000.000
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	VI.4	(1.889.053.914)	(4.734.310.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		4.680.019.305	2.189.043.047
1. Tạm ứng	131		49.534.494	25.851.060
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.5a	4.630.484.811	2.163.191.987
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.543.866.923	155.782.751.671

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		41.678.050.000	66.540.994.120
1.	Các khoản đầu tư	212		41.678.050.000	66.540.994.120
1.1.	Đầu tư dài hạn khác	212.4	VI.3f	41.678.050.000	66.540.994.120
II.	Tài sản cố định	220		13.961.649.541	16.553.924.621
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	4.928.332.662	6.259.642.631
	- Nguyên giá	222		22.348.299.157	21.531.376.257
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(17.419.966.495)	(15.271.733.626)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	9.033.316.879	10.294.281.990
	- Nguyên giá	228		37.817.106.459	36.112.146.459
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(28.783.789.580)	(25.817.864.469)
III.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	VI.8	4.530.000.000	-
IV.	Tài sản dài hạn khác	250		78.374.167.382	72.687.832.930
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.9	1.757.300.000	1.723.400.000
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.5b	2.751.662.729	2.156.023.637
3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	VI.10	9.793.188.642	7.859.409.869
4.	Tài sản dài hạn khác	255	VI.11	10.001.923.443	-
5.	Lợi thế thương mại	256	VI.12	54.070.092.568	60.948.999.424
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.216.064.210.338	1.883.816.340.057
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		967.162.506.148	563.673.435.802
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		956.912.469.685	547.103.920.459
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	VI.13	491.500.000.000	200.000.000.000
1.1.	Vay ngắn hạn	312		491.500.000.000	200.000.000.000
2.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	VI.14	399.559.750.001	299.760.000.000
3.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		2.367.991.778	4.943.667.239
4.	Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.15	36.122.574.009	25.015.517.500
5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.16	9.580.186.076	10.157.082.867
6.	Phải trả người lao động	323		2.313.513.013	357.794.781
7.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.17	14.908.816.916	6.454.395.000
8.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		559.637.892	415.463.072
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		10.250.036.463	16.569.515.343
1.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	VI.18	10.250.036.463	16.569.515.343
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.248.901.704.190	1.320.142.904.255

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.248.901.704.190	1.320.142.904.255
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.156.126.290.000	1.009.716.470.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	VI.19a, b	1.156.209.640.000	1.009.799.820.000
a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.156.209.640.000	1.009.799.820.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2	VI.19a	(83.350.000)	(83.350.000)
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		(138.331.260.846)	(10.047.921.706)
3. Lợi nhuận chưa phân phối	417		229.625.787.132	319.294.958.570
3.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		216.367.655.353	317.900.790.249
3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		13.258.131.779	1.394.168.321
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	418	VI.20	1.480.887.904	1.179.397.391
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		2.216.064.210.338	1.883.816.340.057

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		33.363.940.829	33.363.940.829
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006		115.620.964	100.979.982
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	008		176.650.880.000	204.778.870.000
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	009		10.000.000	10.000.000
5. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	010		450.000.000	2.203.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VII.1	2.382.371.970.000	2.873.799.350.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		2.118.632.590.000	2.445.014.980.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		3.845.240.000	2.203.860.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		54.480.000.000	148.480.000.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		111.690.200.000	234.722.970.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		93.723.940.000	43.377.540.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		9.993.630.000	18.038.280.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.760.130.000	1.760.130.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		8.233.500.000	16.278.150.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		38.125.890.000	33.007.210.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của nhà đầu tư	024.b		260.000.000.000	260.000.000.000
5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		70.250.000	-
6. Tiền gửi của khách hàng	026	VII.2	125.244.111.194	145.507.689.628
6.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027		66.340.180.896	66.027.442.951
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	027.1		159.067.000	-
6.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		58.902.820.363	79.479.136.742
6.3. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		1.109.935	1.109.935
7. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	VII.3	66.340.180.896	66.027.442.951
7.1. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.1		66.220.704.739	64.819.701.257

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7.2. Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.2		119.476.157	1.207.741.694
8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	VII.3	1.109.935	1.109.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

				Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1.	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		73.517.036.462	53.567.680.435
a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VIII.1	53.337.477.025	37.461.364.502
b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	VIII.2	17.039.167.317	10.824.690.933
c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VIII.3	3.140.392.120	5.281.625.000
1.2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VIII.3	13.818.793.714	16.844.832.503
1.3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VIII.3	84.147.313.607	54.675.185.268
1.4.	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	VIII.3	20.085.100.400	13.481.275.000
1.5.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VIII.4	30.170.563.407	24.793.323.103
1.6.	Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VIII.4	-	3.447.700.000
1.7.	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VIII.4	152.019.022	213.305.170
1.8.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VIII.4	961.063.215	962.709.497
1.9.	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VIII.4	20.000.000	100.000.000
1.10.	Thu nhập hoạt động khác	11	VIII.4	5.944.788.722	1.038.261.235
Cộng doanh thu hoạt động		20		228.816.678.549	169.124.272.211
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1.	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		37.623.730.742	31.601.752.738
a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VIII.1	26.129.048.003	22.928.487.065
b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2	VIII.2	11.494.682.739	8.673.265.673
2.2.	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	98.580.250
2.3.	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay	24		679.503.228	2.249.860.855
2.4.	Chi phí hoạt động tự doanh	26		1.474.813.346	784.200.032
2.5.	Chi phí môi giới chứng khoán	27	VIII.5	31.113.964.633	25.948.154.765
2.6.	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	11.000.000
2.7.	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.128.967.805	1.188.649.666
2.8.	Chi phí các dịch vụ khác	32		4.162.469.659	2.601.693.160
Cộng chi phí hoạt động		40		76.183.449.413	64.483.891.466
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
3.1.	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.148.037.775	1.920.421.153
3.2.	Doanh thu khác về đầu tư	44	VIII.6	470.120.000	27.090.167.551
Cộng doanh thu hoạt động tài chính		50		1.618.157.775	29.010.588.704

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
IV.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1.	Chi phí lãi vay	52		44.247.443.674	19.452.471.834
4.2.	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	(3.123.346.254)
4.3.	Chi phí tài chính khác	55	VIII.7	406.750.001	7.506.000.000
	Cộng chi phí tài chính	60		44.654.193.675	23.835.125.580
V.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VIII.8	50.256.867.053	42.532.593.657
VI.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		59.340.326.183	67.283.250.212
VII.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1.	Thu nhập khác	71	VIII.9	1.479.426.949	392.116.521
7.2.	Chi phí khác	72	VIII.10	2.049.308.752	405.474.903
	Cộng kết quả hoạt động khác	80		(569.881.803)	(13.358.382)
VIII.	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		58.770.444.380	67.269.891.830
8.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	91		53.225.959.802	58.166.479.309
8.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		5.544.484.578	9.103.412.521
IX.	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100		1.728.305.305	8.830.538.372
9.1.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	VI.16	8.047.784.185	9.033.657.039
9.2.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2		(6.319.478.880)	(203.118.667)
X.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	200		57.042.139.075	58.439.353.458
10.1	Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		56.740.648.562	58.259.956.067
10.2	Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	203		301.490.513	179.397.391
XI.	THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	300		(128.283.339.140)	54.971.181.326
11.1.	Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		(128.283.339.140)	54.971.181.326
	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN	400		(128.283.339.140)	54.971.181.326
XII.	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
12.1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	501	VIII.11	491	504

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		58.770.444.380	67.269.891.830
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		41.754.236.656	(15.364.957.259)
- Khấu hao tài sản cố định	03	VI.6,7,12	11.993.064.836	11.683.770.112
- Các khoản dự phòng	04	VI.4	(2.845.256.086)	734.310.000
- Chi phí lãi vay	06		47.095.591.619	21.702.332.689
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		VI.14;		
	07	VIII.3,4,6,7	(10.860.966.363)	(49.248.975.474)
- Dự thu tiền lãi	08	VIII.3	(3.628.197.350)	(236.394.586)
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		11.494.682.739	5.549.919.419
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		11.494.682.739	8.673.265.673
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-	(3.123.346.254)
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(17.039.167.317)	(10.824.690.933)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(17.039.167.317)	(10.824.690.933)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(614.206.044.302)	(678.716.258.305)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(12.019.617.922)	(51.502.254.740)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		(439.996.110.553)	57.098.580.250
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		38.541.130.429	(522.837.946.012)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		(155.054.546.540)	(145.377.719.274)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		2.722.537.500	(2.722.537.500)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		2.400.075.937	(8.244.173.853)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		(1.921.997.634)	(2.633.259.849)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(4.500.000)	(65.473.101)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(11.344.151.741)	(965.259.921)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(1.886.293.817)	(2.060.718.679)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(3.062.931.916)	1.836.487.060
- (-)Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43		(9.033.657.039)	(4.665.580.869)
- (-) Lãi vay đã trả	44		(34.586.231.169)	(24.695.006.745)
- Tăng (giảm) phải trả người bán	45		11.107.056.509	24.976.951.180
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	(112.000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		408.976.063	57.975.029

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		1.955.718.232	(1.253.534.267)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(2.431.500.641)	4.337.324.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(519.225.847.844)	(632.086.095.248)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	VI.6,7,8	(7.051.882.900)	(3.841.936.000)
2. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	(48.198.550.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		25.333.064.120	227.145.397.600
4. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	VIII.3	10.190.596.364	26.687.786.899
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		28.471.777.584	201.792.698.499
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay gốc	73		2.084.390.300.000	1.412.543.628.178
1.1. Tiền vay khác	73.2	VI.13,14	2.084.390.300.000	1.412.543.628.178
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(1.692.890.300.000)	(1.062.772.628.178)
2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3	VI.13,14	(1.692.890.300.000)	(1.062.772.628.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		391.500.000.000	349.771.000.000
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90		(99.254.070.260)	(80.522.396.749)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm				
- Tiền	101.1	VI.1	363.752.044.016	444.274.440.765
- Các khoản tương đương tiền	101.2		49.107.919.355	108.223.915.959
			314.644.124.661	336.050.524.806
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm				
- Tiền	103.1	VI.1	264.497.973.756	363.752.044.016
- Các khoản tương đương tiền	103.2		71.517.973.756	49.107.919.355
			192.980.000.000	314.644.124.661

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		12.923.387.327.219	9.706.094.530.450
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(12.098.139.058.719)	(9.610.775.953.431)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		(698.393.956.741)	(40.190.599.722)
	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	07.1		159.067.000	-
4.	Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		166.375.395.213	89.766.359.170
5.	Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10		(176.042.752.992)	(75.781.824.928)
6.	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng, phí khác	11		(137.609.599.414)	(81.541.347.511)
7.	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		40.494.891.355	54.049.289.428
8.	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(40.494.891.355)	(54.049.289.428)
	Tăng tiền thuần trong năm	20		(20.263.578.434)	(12.428.835.972)
II.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	VII.2	145.507.689.628	157.936.525.600
	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		145.507.689.628	157.936.525.600
-	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32		66.027.442.951	111.740.326.115
	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		79.479.136.742	46.195.089.550
-	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		1.109.935	1.109.935
III.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	VII.2	125.244.111.194	145.507.689.628
	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		125.244.111.194	145.507.689.628
-	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42		66.340.180.896	66.027.442.951
-	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		58.902.820.363	79.479.136.742
-	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		1.109.935	1.109.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Thay đổi trong năm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01/01/2023	Ngày 01/01/2024	Năm 2023		Năm 2024		Ngày 31/12/2023	Ngày 31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VI.19	1.009.716.470.00	1.009.716.470.00					1.009.716.470.00	1.156.209.640.00
		0	0	-		- 146.409.820.000	-	0	0
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.009.799.820.00	1.009.799.820.00					1.009.799.820.00	1.156.209.640.00
		0	0	-		- 146.409.820.000	-	0	0
1.3 Thặng dư vốn cổ phần		(83.350.000)	(83.350.000)	-		-		(83.350.000)	(83.350.000)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.005.186.819	-	-	8.005.186.819	-		-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.005.186.819	-	-	8.005.186.819	-		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(65.019.103.032)	(10.047.921.706)	159.697.258.152	104.726.076.826	67.924.082.410	196.207.421.550	(10.047.921.706)	(138.331.260.846)
5. Lợi nhuận chưa phân phối		245.024.628.865	319.294.958.570	86.364.915.291	12.094.585.586	72.732.436.596	162.401.608.034	319.294.958.570	229.625.787.132
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		252.936.991.732	317.900.790.249	68.385.118.430	3.421.319.913	49.373.790.399	150.906.925.295	317.900.790.249	216.367.655.353
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(7.912.362.867)	1.394.168.321	17.979.796.861	8.673.265.673	23.358.646.197	11.494.682.739	1.394.168.321	13.258.131.779
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		1.000.000.000	1.179.397.391	179.397.391		- 301.490.513	-	1.179.397.391	1.480.887.904
Cộng		1.206.732.369.471	1.320.142.904.255	246.241.570.834	132.831.036.050	287.367.829.519	358.609.029.584	1.320.142.904.255	1.248.901.704.190
		1	5	34				5	0
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lãi, lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	VI.3e	(65.019.103.032)	(10.047.921.706)	159.697.258.152	104.726.076.826	67.924.082.410	196.207.421.550	(10.047.921.706)	(138.331.260.846)
					52				
Cộng		(65.019.103.032)	(10.047.921.706)	159.697.258.152	104.726.076.826	67.924.082.410	196.207.421.550	(10.047.921.706)	(138.331.260.846)
				52					

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi vốn điều lệ, Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 42/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 6 năm 2024.

2. Địa chỉ liên hệ

Lầu 2, Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi lần thứ 12 của Công ty ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2024.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

• Quy mô vốn:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Tập đoàn là 1.156.209.640.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.248.901.704.190 VND, tổng tài sản là 2.216.064.210.338 VND.

• Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

• Hạn chế đầu tư:

Công ty thực hiện theo Điều 28, Thông tư số 121/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các sửa đổi bổ sung như sau:

- Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Công ty không được mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty với giá trị còn lại vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng tài sản của Công ty.
- Công ty không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu vào tổ chức khác, trong đó không sử dụng quá 20% vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.
- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
 - Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.
- Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập và mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh Công ty đang thực hiện;
 - ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:
 - + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
 - + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- Cấu trúc Tập đoàn
- Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
			vốn góp	lợi ích	quyền biểu quyết
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM)	Số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán	100%	100%	100%
Quỹ đầu tư Thành Công (TCIF)	Số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	98%	98%	98%

Công ty không có công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 102 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 90 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam; các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 2 và 4 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành; Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ; Thông tư số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Tập đoàn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Tập đoàn kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

5. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

6. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

8. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phân chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

9. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Tập đoàn không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Tập đoàn chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Tập đoàn chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Tập đoàn không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Tập đoàn chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Tập đoàn. Trong trường hợp đó, Tập đoàn cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Tập đoàn giữ lại.

10. Phân loại lại tài sản tài chính

Tập đoàn được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

11. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

12. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào Điều 6, Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

13. Chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào kỳ hạn hiệu lực của hợp đồng và không quá 3 năm.

14. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

15. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị văn phòng	6 - 8

16. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chủ yếu là phần mềm. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 3 đến 8 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

18. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

19. Vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Tập đoàn.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Tập đoàn ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

21. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Tập đoàn áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Các khoản mục không có số liệu

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Quản trị rủi ro của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài chính hợp nhất là giá trị ghi sổ. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các tài sản tài chính

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Tập đoàn. Tập đoàn chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của Tập đoàn gồm: phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính; các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu về cho vay thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Tập đoàn chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng. Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu còn lại thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét suy giảm chất lượng tín dụng thường xuyên. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Ngoại trừ khoản phải thu khó đòi đã được lập dự phòng tại thuyết minh số VI.4. Tất cả các tài sản tài chính của Tập đoàn đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng từ 1 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.963.555	27.309.363
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	71.505.010.201	49.080.609.992
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	192.980.000.000	314.644.124.661
Cộng	264.497.973.756	363.752.044.016

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
Của Tập đoàn	66.561.612	3.538.649.614.129
Cổ phiếu	40.281.512	1.096.871.378.729
Trái phiếu	21.580.100	2.394.778.235.400
Chứng khoán khác	4.700.000	47.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
Của nhà đầu tư	1.054.724.768	23.043.104.323.299
Cổ phiếu	1.002.912.948	22.988.525.641.299
Trái phiếu	207.720	20.513.270.000
Chứng khoán khác	51.604.100	34.065.412.000
Cộng	1.121.286.380	26.581.753.937.428

3. Các loại tài sản tài chính

2a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	65.673.297.922	71.217.782.500	51.502.254.740	53.653.680.000
QTP	6.181.664.000	5.847.520.000	7.166.560.674	7.098.080.000
QNS	5.496.000.000	6.000.000.000	9.414.517.864	10.076.000.000
ACB	9.768.345.652	12.126.645.000	24.436.148.232	25.895.650.000
SIP	4.416.970.356	5.785.837.500	6.464.275.190	6.360.000.000
VIB	9.455.272.728	9.897.280.000	3.229.964.972	3.430.000.000
TCB	15.684.916.020		-	
		17.255.000.000		-
Cổ phiếu niêm yết khác	14.670.129.166		790.787.808	
		14.305.500.000		793.950.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.700.000	-	10.700.000	-
TRI	10.700.000	-	10.700.000	-
Cộng	65.683.997.922	71.217.782.500	51.512.954.740	53.653.680.000

2b. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	653.969.398.846	515.144.262.000	545.914.852.307	535.866.930.600
FDC	-	-	60.160.000.000	65.875.200.000
BBT	23.718.520.000	12.512.920.000	23.718.520.000	7.750.540.000
TCB			-	-
	112.147.098.911	116.323.350.000		
QTP	78.844.986.990	74.680.200.000	85.884.483.866	85.942.120.000
HTP		19.862.320.800		
	170.599.926.660		185.991.636.000	186.381.832.600
ACB	49.026.653.414	60.638.359.200	88.994.135.492	93.278.832.000
VIB	63.259.551.826	66.260.950.000	-	-
				96.638.406.000
Các cổ phiếu niêm yết khác	156.372.661.045	164.866.162.000	101.166.076.949	
Cổ phiếu chưa niêm yết	47.000.000.000	47.493.876.000	-	-
TCGF	47.000.000.000	47.493.876.000	-	-
Cộng	700.969.398.846	562.638.138.000	545.914.852.306	535.866.930.600

2c. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽¹⁾	115.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga ⁽¹⁾	169.996.110.553	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	85.000.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (50.000 trái phiếu với thời hạn nắm giữ là 6 năm, đến ngày 26 tháng 12 năm 2024)	-	5.000.000.000
Cộng	444.996.110.553	5.000.000.000

⁽¹⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với số tiền tương ứng là 169.996.110.553 VND, 115.000.000.000 VND đã được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng này (xem thuyết minh số VI.13).

2d. Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Gốc cho vay giao dịch ký quỹ	598.938.859.874	598.938.859.874	699.575.276.903	699.575.276.903
Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán	108.505.490.528	108.505.490.528	46.410.203.928	46.410.203.928
Cộng	707.444.350.402	707.444.350.402	745.985.480.831	745.985.480.831

2e. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối năm
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	65.683.997.922	71.217.782.500	5.544.484.578	10.700.000	71.217.782.500
1.	Cổ phiếu niêm yết	65.673.297.922	71.217.782.500	5.544.484.578	-	71.217.782.500
2.	Cổ phiếu hủy niêm yết	10.700.000	-	-	10.700.000	-
II.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	700.969.398.846	562.638.138.000	493.876.000	138.825.136.846	562.638.138.000
				6.038.360.578	138.835.836.846	633.855.920.500
	Cộng	766.653.396.768	633.855.920.500	8	6	0

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	51.512.954.740	53.653.680.000	2.151.425.260	10.700.000	53.653.680.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1.	Cổ phiếu niêm yết	51.502.254.740	53.653.680.000	2.151.425.26	0	-	53.653.680.000
2.	Cổ phiếu hủy niêm yết	10.700.000	-	-	10.700.000	-	-
II.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	545.914.852.306	535.866.930.600	-	10.047.921.706	535.866.930.600	-
	Cộng	597.427.807.046	589.520.610.600	2.151.425.26	0	10.058.621.706	589.520.610.600

2f. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Seoul Metal Viet Nam ⁽ⁱ⁾	27.211.800.000	27.211.800.000
Công ty Cổ phần Iris Land ⁽ⁱⁱ⁾	4.406.250.000	4.406.250.000
Công ty Cổ phần TQ Landscape ⁽ⁱⁱⁱ⁾	10.060.000.000	10.060.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Med Tech An An ^(iv)	-	6.520.500.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh ^(v)	-	18.342.444.120
Cộng	41.678.050.000	66.540.994.120

- (i) Tập đoàn sở hữu 358.050 cổ phần tương đương với 2,13% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 04/2023/GCN/KN ngày 14 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn sở hữu 375.000 cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Iris Land.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 04/2023/CNCP và Sổ đăng ký cổ đông số 01/2023/SCĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn sở hữu 1.000.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần TQ Landscape.
- (iv) Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ 805.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Med Tech An An, đã thu toàn bộ tiền bán là 6.990.620.000 VND.
- (v) Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ 152.701 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group.

Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	-	2.722.537.500
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	17.020.064.087	15.791.942.674
Phải thu lãi giao dịch ký quỹ	7.312.186.737	10.863.627.064
Phải thu cổ tức - cổ phiếu phổ thông	6.079.680.000	4.639.875.000
Dự thu lãi tiền gửi	3.628.197.350	282.892.665
Dự thu lãi trái phiếu doanh nghiệp	-	5.547.945
Trả trước cho người bán	174.000.000	823.133.909
Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.905.103.443	2.983.105.809
Phải thu hoa hồng môi giới chứng khoán	168.387.113	199.189.788
Phải thu thuế Thu nhập cá nhân chuyển nhượng chứng khoán của nhà đầu tư	174.089.623	81.883.968
Phải thu dịch vụ khác	4.562.626.707	2.702.032.053
Phải thu khác	1.835.855.283	4.000.000.000
Phải thu Ông Đoàn Quang Sang ⁽ⁱ⁾	1.758.671.133	4.000.000.000
Phải thu khác	77.184.150	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(1.889.053.914)	(4.734.310.000)
Cộng	22.045.968.899	21.586.409.892

(i) Khoản phải thu Ông Đoàn Quang Sang – cổ đông của Công ty, tương ứng với giá trị của 400.000 cổ phiếu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Ông Nguyễn Thành Chung.

Ông Đoàn Quang Sang đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến 200.000 cổ phiếu (tương đương 2.000.000.000 VND) cho người đại diện pháp luật của Công ty.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ra Bản án số 1145/2020/KDTM-ST tuyên xử chấp thuận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc Ông Đoàn Quang Sang phải thanh toán số tiền 6.469.120.000 VND, bao gồm tiền nợ gốc 4.000.000.000 VND và các khoản khác với số tiền là 2.469.120.000 VND. Ngày 17 tháng 02 năm 2021, Cục thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh cũng đã có Quyết định số 1586/QĐ-CTHADS cho thi hành bản án.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn đã nhận được một phần số tiền nêu trên, Tập đoàn đã trích lập đủ 100% giá trị khoản phải thu với số tiền còn lại chưa thu hồi được.

Biến động dự phòng suy giảm các khoản phải thu trong năm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(4.734.310.000)	(4.000.000.000)
Trích lập dự phòng trong năm	2.845.256.086	(734.310.000)
Số cuối năm	(1.889.053.914)	(4.734.310.000)

4. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	30.904.085	47.195.671
Thuê văn phòng	2.326.500.000	504.900.000
Viễn thông, cước đường truyền	1.340.033.672	684.569.733
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	933.047.054	926.526.583
Cộng	4.630.484.811	2.163.191.987

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ, vật dụng văn phòng	634.406.726	630.188.892
Sửa chữa, cải tạo văn phòng	1.369.552.606	1.346.112.201
Viễn thông, cước đường truyền, bảo trì	22.034.518	35.441.656
Chi phí trả trước dài hạn khác	725.668.879	144.280.888
Cộng	2.751.662.729	2.156.023.637

5. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	21.013.293.130	518.083.127	21.531.376.257
Mua trong năm	581.760.000	235.162.900	816.922.900
Số cuối năm	21.595.053.130	753.246.027	22.348.299.157
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.322.746.130	232.700.000	8.555.446.130
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	14.956.619.801	315.113.825	15.271.733.626
Khấu hao trong năm	2.064.195.438	84.037.431	2.148.232.869
Số cuối năm	17.020.815.239	399.151.256	17.419.966.495
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.056.673.329	202.969.302	6.259.642.631
Số cuối năm	4.574.237.891	354.094.771	4.928.332.662

6. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.526.846.459	585.300.000	36.112.146.459
Mua trong năm	1.704.960.000	-	1.704.960.000
Số cuối năm	37.231.806.459	585.300.000	37.817.106.459
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.993.480.459	120.000.000	18.113.480.459
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	25.426.933.340	390.931.129	25.817.864.469
Khấu hao trong năm	2.862.865.111	103.060.000	2.965.925.111
Số cuối năm	28.289.798.451	493.991.129	28.783.789.580
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.099.913.119	194.368.871	10.294.281.990
Số cuối năm	8.942.008.008	91.308.871	9.033.316.879

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu là các chi phí mua sắm, bảo trì phần mềm máy tính.

8. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	1.080.000.000	1.080.000.000
Ký quỹ taxi	23.000.000	23.000.000
Ký quỹ khác	654.300.000	620.400.000
Cộng	1.757.300.000	1.723.400.000

9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 thay thế cho Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới năm trước, nhưng không vượt quá 2.500.000.000 VND/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	8.400.417.326	6.845.135.587
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.272.771.316	894.274.282
Tổng cộng	9.793.188.642	7.859.409.869

10. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác là khoản nộp Quỹ bù trừ phái sinh trong năm.

Theo Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, Công ty phải đóng góp vào Quỹ bù trừ phái sinh với giá trị tối thiểu ban đầu là 10.000.000.000 VND tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với thành viên bù trừ trực tiếp và hàng tháng Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ bù trừ của từng thành viên căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác.

Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ định kỳ được đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu theo quy định.

Trường hợp số dư đóng góp Quỹ bù trừ lớn hơn nghĩa vụ phải đóng góp, thành viên bù trừ được rút phần chênh lệch.

Trường hợp số dư đóng góp Quỹ bù trừ nhỏ hơn nghĩa vụ phải đóng góp, thành viên bù trừ phải đóng góp bổ sung phần chênh lệch.

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất kinh doanh liên quan đến công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công
Nguyên giá	
Số đầu năm	68.789.068.614
Số cuối năm	68.789.068.614
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	7.840.069.190
Phân bổ trong năm	6.878.906.856
Số cuối năm	14.718.976.046
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	60.948.999.424
Số cuối năm	54.070.092.568

12. Vay ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga ⁽¹⁾	200.000.000.000	972.890.300.000	(872.890.300.000)	300.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số vay trong năm</u>	<u>Số trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	536.500.000.000	(345.000.000.000)	191.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	85.000.000.000	(85.000.000.000)	-
Vay các cá nhân khác	-	90.000.000.000	(90.000.000.000)	-
Cộng	200.000.000.000	1.684.390.300.000	(1.392.890.300.000)	491.500.000.000

- (i) Khoản vay Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua trái phiếu đầu tư, khoản vay có kỳ hạn 3 tháng cho từng lần giải ngân và được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi của Công ty tại chính Ngân hàng này (xem thuyết minh số VI.3).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, khoản vay có kỳ hạn 3 tháng và được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi của Công ty tại chính Ngân hàng này (xem thuyết minh số VI.3).

13. Trái phiếu phát hành ngắn hạn

Thông tin chi tiết về các loại trái phiếu phát hành của Tập đoàn như sau:

Trái phiếu phát hành ngày 11 tháng 9 năm 2023

- Nghị quyết ban hành : Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 9 năm 2023
- Mã trái phiếu : TCIH2324001
- Thời điểm phát hành : 11/9/2023
- Kỳ hạn gốc : 1 năm
- Kỳ hạn trả lãi trái phiếu : Tiền lãi trái phiếu được thanh toán theo từng kỳ tính lãi mỗi 3 tháng/lần bắt đầu từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn và trả sau, định kỳ vào ngày trả lãi.
- Số lượng trái phiếu phát hành : 3.000 trái phiếu
- Mệnh giá : 100.000.000 VND
- Tổng khối lượng huy động từ phát hành trái phiếu (theo mệnh giá) : 300.000.000.000 VND
- Lãi suất : Nợ gốc của trái phiếu sẽ chịu lãi với mức lãi suất cố định là 11%/năm.
- Tài sản bảo đảm : 50.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công với mã chứng khoán là TCI.

Số lượng, giá trị tài sản bảo đảm có thể biến động tăng/giảm phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên có liên quan thể hiện tại các Văn kiện trái phiếu và/hoặc thực tế phát sinh.
- Tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm : 31.000.000 cổ phiếu TCI đã được lưu ký trong tài khoản chứng khoán của Bên bảo đảm mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Bên bảo đảm sẽ lưu ký thêm phần còn lại không trễ hơn ngày 30 tháng 9 năm 2023.

Công ty đã lưu ký bổ sung phần còn lại vào ngày 27 tháng 9 năm 2023. 50.000.000 cổ phiếu TCI đã được lưu ký trong tài khoản chứng khoán của Bên bảo đảm mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Nghĩa vụ bảo đảm : Tài sản bảo đảm này sẽ được sử dụng bảo đảm cho nghĩa vụ của trái phiếu được phát hành theo phương án phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- **Đăng ký biện pháp bảo đảm** : Việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và theo thỏa thuận tại các Văn kiện trái phiếu có liên quan. Bên bảo đảm sẽ thực hiện thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm trước 31.000.000 cổ phiếu TCI, phần còn lại sẽ đăng ký biện pháp bảo đảm không trễ hơn ngày 30 tháng 9 năm 2023.

Công ty đã đăng ký đủ biện pháp bảo đảm cho 50.000.000 cổ phiếu TCI.

- **Thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ theo tỷ lệ sở hữu** :
 - Một là, thanh toán tất cả các khoản gốc của trái phiếu;
 - Hai là, thanh toán các khoản lãi của trái phiếu mà chưa được thanh toán;
 - Ba là, thanh toán tất cả các khoản tiền phạt đã phát sinh và chưa thanh toán theo trái phiếu;
 - Bốn là, thanh toán tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm khác chưa thanh toán tại thời điểm đó.

Công ty/Bên bảo đảm có thể rút, bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm này và/hoặc tài sản bảo đảm khác và việc rút, bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm thực hiện theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu quy định cụ thể tại các Văn kiện trái phiếu có liên quan.

- **Mục đích sử dụng vốn** : Cơ cấu lại nợ của Công ty
Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu dùng để trả nợ vay, cụ thể:
 - Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: 200.000.000.000 VND;
 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 100.000.000.000 VND.

- **Mua lại trái phiếu** : Công ty không có kế hoạch mua lại trái phiếu trước hạn. Công ty có thể bị bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định của các điều kiện, điều khoản khác của trái phiếu quy định tại các Văn kiện trái phiếu có liên quan.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 Công ty đã thanh toán toàn bộ mã trái phiếu TCIH2324001 đến hạn trả.

Trái phiếu phát hành ngày 04 tháng 10 năm 2024

- **Nghị quyết ban hành** : Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 9 năm 2024
- **Mã trái phiếu** : TCIH2425001
- **Số lượng trái phiếu phát hành** : 4.000 trái phiếu
- **Mệnh giá trái phiếu** : 100.000.000 VND
- **Khối lượng trái phiếu phát hành** : 400.000.000.000 VND
- **Thời điểm phát hành** : 04/10/2024
- **Trái phiếu phát hành** : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm
- **Kỳ hạn gốc** : 1 năm kể từ ngày phát hành
- **Phương thức phát hành** : Phát hành thông qua Đại lý phát hành
- **Đối tượng phát hành** : Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định
- **Hình thức Trái phiếu** : Ghi sổ
- **Số lượng đợt phát hành** : 01 đợt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

-	Giá phát hành	: 100% mệnh giá trái phiếu
-	Lãi suất	: 10,5%/năm
		Mỗi trái phiếu sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày mà Tổ chức phát hành nhận tiền mua trái phiếu từ Người sở hữu trái phiếu cho đến, nhưng không bao gồm Ngày đáo hạn hoặc ngày trái phiếu được mua lại trước hạn (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo quy định/thoả thuận liên quan đến trái phiếu.
-	Kỳ hạn trả lãi trái phiếu	: 3 tháng/lần
		Đối với kỳ tính lãi đầu tiên, sẽ được tính từ và bao gồm cả ngày mà Tổ chức phát hành nhận tiền mua trái phiếu từ Người sở hữu trái phiếu đến nhưng không bao gồm cả Ngày trả lãi đầu tiên của kỳ tính lãi đầu tiên.
		Đối với mỗi Kỳ tính lãi tiếp theo, sẽ được tính từ và gồm cả Ngày trả lãi của Kỳ tính lãi ngay trước đó đến nhưng không gồm cả Ngày trả lãi của kỳ tính lãi tiếp theo.
-	Ngày trả lãi	: Ngày cuối cùng của mỗi kỳ tính lãi
-	Địa điểm phát hành	: Trong nước
-	Loại tài sản bảo đảm	: Cổ phần của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công (Mã chứng khoán: TCI), Cổ phần Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết (Mã chứng khoán: BBT) và Cổ phần Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (Mã chứng khoán: YTC)
-	Số lượng cổ phần ban đầu được dùng làm tài sản bảo đảm	• 63.351.059 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công, trong đó: 35.686.841 cổ phần tự do chuyển nhượng và 27.664.218 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng có thời hạn. • 1.914.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết tự do chuyển nhượng. • 2.366.977 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tự do chuyển nhượng
		Chi tiết về số lượng cổ phần TCI, BBT và YTC được dùng làm tài sản bảo đảm ban đầu thực hiện theo thực tế phát sinh và thoả thuận có liên quan.
-	Tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm	: 63.351.059 cổ phần TCI, 1.914.800 cổ phần BBT và 2.366.977 cổ phần YTC đã được lưu ký trong tài khoản chứng khoán của bên bảo đảm mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
-	Đăng ký biện pháp bảo đảm	: Việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và theo thoả thuận tại các văn kiện trái phiếu có liên quan.
		Bên bảo đảm phối hợp với Đại lý Quản lý tài sản bảo đảm đăng ký biện pháp bảo đảm 35.686.841 cổ phần TCI, 1.914.800 cổ phần BBT và 2.366.977 cổ phần YTC trước hoặc vào ngày phát hành, 27.664.218 cổ phần TCI còn lại sẽ đăng ký biện pháp bảo đảm trong vòng 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày VSDC giải toả hạn chế chuyển nhượng.
-	Thời gian định giá lại	: Được quy định cụ thể tại Các điều kiện trái phiếu và văn kiện trái phiếu có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nghĩa vụ bảo đảm

: Tài sản bảo đảm này sẽ được sử dụng bảo đảm cho nghĩa vụ của trái phiếu được phát hành theo phương án phát hành.
- Thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ theo tỷ lệ sở hữu

• Một là, thanh toán tất cả các khoản gốc của trái phiếu;

• Hai là, thanh toán các khoản lãi của trái phiếu mà chưa được thanh toán;

• Ba là, thanh toán tất cả các khoản tiền phạt đã phát sinh và chưa thanh toán theo trái phiếu;

• Bốn là, thanh toán tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm khác chưa thanh toán tại thời điểm đó.
- Trong thời hạn trái phiếu, Công ty/Bên bảo đảm có thể rút, bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm này và/hoặc tài sản bảo đảm khác và việc rút, bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm thực hiện theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu quy định cụ thể tại các Văn kiện trái phiếu có liên quan.
- Dòng tiền thanh toán

: Công ty sử dụng nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh trực tiếp, lợi nhuận giữ lại, khấu hao, lợi nhuận được chia từ công ty con (nếu có) và các nguồn tiền hợp pháp khác để thanh toán tiền gốc và lãi trái phiếu.
- Thanh toán trái phiếu khi đáo hạn

: Trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn theo các điều khoản và điều kiện của trái phiếu, tiền gốc của trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn.
- Mục đích sử dụng vốn

: Cơ cấu lại nợ của Công ty.
Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu dùng để trả nợ vay, cụ thể:

• Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: 200.000.000.000 VND;

• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: 115.000.000.000 VND;

• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh: 85.000.000.000 VND.
- Mua lại trái phiếu

: Công ty không có kế hoạch mua lại trái phiếu trước hạn. Công ty có thể bị bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định của các điều kiện, điều khoản khác của trái phiếu quy định tại các Văn kiện trái phiếu có liên quan.

Chi tiết biến động chỉ tiêu Trái phiếu phát hành ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	299.760.000.000	149.989.000.000
Phát hành thêm thu bằng tiền	400.000.000.000	300.000.000.000
Chi phí phát hành	386.750.001	(240.000.000)
Chi phí mua lại và thanh toán chi phí phát hành mới	(587.000.000)	-
Thanh toán tiền mua lại	(300.000.000.000)	(149.989.000.000)
Số cuối năm	399.559.750.001	299.760.000.000

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Các khoản phải trả nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	96.682	38.182

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	452.057.580	202.096.078
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.028.849.137	900.709.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.047.784.185	9.033.657.039
Các loại thuế khác	51.398.492	20.582.108
Cộng	9.580.186.076	10.157.082.867

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất năm nay là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.000.000	84.800.000
Chi phí lãi vay	12.690.507.419	2.349.791.686
Chi phí quản lý khác	2.122.309.497	4.019.803.314
Cộng	14.908.816.916	6.454.395.000

17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ đánh giá tăng, giảm các tài sản tài chính tại Công ty mẹ và nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh liên quan đến khoản dự phòng đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	115.620.964	100.979.982
Mệnh giá (VND/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (VND)	1.156.209.640.00	1.009.799.820.00
	0	0
Thặng dư vốn cổ phần	(83.350.000)	(83.350.000)
Cộng	1.156.126.290.00	1.009.716.470.00
	0	0

Tập đoàn chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tập

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đoàn. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tập đoàn.

Theo Nghị quyết 1 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 08 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đồng ý thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 14,5%. Ngày 17 tháng 5 năm 2024, Công ty đã công bố Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 115/2024/BC-TCSC về việc việc phát hành thêm 14.640.982 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021 theo như Nghị quyết 1 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 trước đó.

Danh sách các cổ đông của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	633.510.590.000	553.284.360.000
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	34.350.000.000	30.000.000.000
Các cổ đông khác	488.349.050.000	426.515.460.000
Cộng	1.156.209.640.000 0	1.009.799.820.000 0

19. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại Quý đầu tư Thành Công (công ty con).

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch được tự do chuyển nhượng	2.118.632.590.000	2.445.014.980.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	3.845.240.000	2.203.860.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	54.480.000.000	148.480.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	111.690.200.000	234.722.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	93.723.940.000	43.377.540.000
Cộng	2.382.371.970.000	2.873.799.350.000

2. Tiền gửi của nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>66.340.180.896</i>	<i>66.027.442.951</i>
Của nhà đầu tư trong nước	66.220.704.309	64.819.701.257
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	159.067.000	-
Của nhà đầu tư nước ngoài	119.476.157	1.207.741.694
<i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	<i>58.902.820.363</i>	<i>79.479.136.742</i>
<i>Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán</i>	<i>1.109.935</i>	<i>1.109.935</i>
Cộng	125.244.111.194	145.507.689.628

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	66.340.180.896	66.027.442.951
Của nhà đầu tư trong nước	66.220.704.739	64.819.701.257
Của nhà đầu tư nước ngoài	119.476.157	1.207.741.694
<i>Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</i>	1.109.935	1.109.935
Cộng	66.341.290.831	66.028.552.886

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán Năm nay	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	15.117.415	476.499.466.407	423.199.839.382	53.299.627.025	37.461.364.502
Trái phiếu chưa niêm yết	747	78.956.416.458	78.919.066.458	37.350.000	-
Lãi từ phái sinh	-	-	-	500.000	-
Cộng	15.118.162	555.455.882.865	502.118.905.840	53.337.477.025	37.461.364.502
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	3.819.700	52.208.170.000	78.157.178.003	(25.949.008.003)	(21.448.478.681)
Trái phiếu niêm yết	10.790.050	1.197.301.577.700	1.197.476.657.700	(175.080.000)	(1.436.070.384)
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	(384)
Lỗ từ phái sinh	-	-	-	(4.960.000)	-
Khác	-	-	-	-	(43.938.000)
Cộng	14.609.750	1.249.509.747.700	1.275.633.835.703	(26.129.048.003)	(22.928.487.065)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ sách	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
1. Cổ phiếu niêm yết	65.673.297.922	71.217.782.500	5.544.484.578	-	5.544.484.578
QTP	6.181.664.000	5.847.520.000	(334.144.000)	-	(334.144.000)
VIB	9.455.272.728	9.897.280.000	442.007.272	-	442.007.272
QNS	5.496.000.000	6.000.000.000	504.000.000	-	504.000.000
ACB	9.768.345.652	12.126.645.000	2.358.299.348	-	2.358.299.348
SIP	4.416.970.356	5.785.837.500	1.368.867.144	-	1.368.867.144
TCB	15.684.916.020	17.255.000.000	1.570.083.980	-	1.570.083.980
Cổ phiếu khác			(364.629.166)	-	(364.629.166)
	14.670.129.166	14.305.500.000			
2. Cổ phiếu hủy niêm yết	10.700.000	-	(10.700.000)	(10.700.000)	-
Cộng	65.683.997.922	71.217.782.500	5.533.784.578	(10.700.000)	5.544.484.578

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ bán các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.140.392.120	5.281.625.000
Cổ tức	3.140.392.120	5.281.625.000
Từ tài sản tài chính HTM	13.818.793.714	16.844.832.503
Lãi thực thu	10.190.596.364	16.608.437.917
Lãi trích trước	3.628.197.350	236.394.586
Từ các khoản cho vay và phải thu	84.147.313.607	54.675.185.268
Tiền lãi cho vay hoạt động Margin	77.495.252.054	49.314.514.847
Tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	4.644.561.367	4.148.971.503
Phí gia hạn nợ Margin	2.007.500.186	1.211.698.918
Từ tài sản tài chính AFS	20.085.100.400	13.481.275.000
Cổ tức	20.085.100.400	13.481.275.000
Cộng	121.191.599.841	90.282.917.771

4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu môi giới	30.170.563.407	24.793.323.103
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	3.447.700.000
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	152.019.022	213.305.170
Doanh thu lưu ký chứng khoán	961.063.215	962.709.497
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	20.000.000	100.000.000
Doanh thu khác	5.944.788.722	1.038.261.235
Cộng	37.248.434.366	30.555.299.005

5. Chi phí môi giới chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí giao dịch chứng khoán môi giới	7.185.254.572	6.566.032.728
Chi phí nhân viên	12.779.448.893	8.113.152.822
Chi phí công cụ dụng cụ	102.053.030	420.485.221
Chi phí khấu hao	4.535.985.699	4.254.045.713

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.353.443.750	6.512.911.064
Chi phí khác	157.778.689	81.527.217
Cộng	31.113.964.633	25.948.154.765
6. Doanh thu khác về đầu tư		
	Năm nay	Năm trước
Lãi bán cổ phiếu và chuyển nhượng vốn	470.120.000	27.090.167.551
Cộng	470.120.000	27.090.167.551
7. Chi phí tài chính khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi bán cổ phiếu và chuyển nhượng vốn	406.750.001	7.506.000.000
Cộng	406.750.001	7.506.000.000
8. Chi phí quản lý công ty chứng khoán		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	25.610.416.096	20.481.891.009
Chi phí văn phòng phẩm	132.359.164	92.720.513
Chi phí công cụ, dụng cụ	703.479.524	836.343.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	539.922.277	521.067.534
Thuế, phí và lệ phí	33.828.000	14.735.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.941.811.102	5.918.499.142
Các chi phí khác	15.295.050.890	14.667.337.184
Cộng	50.256.867.053	42.532.593.657
9. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thưởng từ chương trình	-	13.586.364
Các khoản thu nhập khác	1.479.426.949	378.530.157
Cộng	1.479.426.949	392.116.521
10. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.547.400	525.096
Các chi phí khác	2.045.761.352	404.949.807
Cộng	2.049.308.752	405.474.903
11. Lãi trên cổ phiếu		
11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	56.740.648.562	58.259.956.067
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	56.740.648.562	58.259.956.067
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	115.620.964	115.620.964
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	491	504

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 577 VND xuống 504 VND.

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất nhưng trước khi Báo cáo tài chính hợp nhất được phép phát hành**
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**
Không có.

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Khánh Linh	853.623.528	669.254.274
Ông Nguyễn Đông Hải	1.721.817.531	1.506.861.071
Ông Nguyễn Quốc Việt	853.623.528	979.940.871
Ông Nguyễn Đức Hiếu	2.305.556.055	1.346.025.648
Ông Phan Minh Trung	93.000.000	-
Ông Trịnh Tấn Lực	1.243.793.190	1.037.490.781
Bà Phạm Viêt Lan Anh	1.025.093.490	628.670.000
Ban kiểm soát		
Ông Nguyễn Trung Hiếu	394.409.037	297.929.520
Bà Trần Thị Nhàn	37.698.918	-
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	30.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết

Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton

Công ty Cổ phần May da Sài Gòn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế
Thành phố Hồ Chí Minh

Mối quan hệ

Công ty mẹ cao nhất
Công ty mẹ
Công ty con của Công ty mẹ cao nhất
Công ty con của Công ty Cổ phần
May Sài Gòn 3
Công ty con của Công ty TNHH Đầu
tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty con của Công ty Cổ phần
Bông Bạch Tuyết
Công ty con của Công ty mẹ cao nhất
Công ty liên kết của Công ty mẹ cao
nhất

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Doanh thu lưu ký	4.433.958	71.918.128
Doanh thu môi giới	130.224.093	-
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean		
Doanh thu lưu ký	11.784.750	7.320.000
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Doanh thu lưu ký	-	1.185.300
Doanh thu phí môi giới giao dịch chứng khoán	-	16.397.550
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.754.806	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group		
Doanh thu môi giới	167.358.074	-
Doanh thu lưu ký	219.792	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	348	9.059.011
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	5.439	5.438
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	19.134.755	30.894.507
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	8.259	6.522.194
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	440.441	-
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.237	1.237
Tổng nợ phải trả các bên liên quan	19.590.479	46.482.387

2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.160.000.000	2.322.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	704.219.178	2.934.641.096
Cộng	2.864.219.178	5.256.641.096

Công ty thuê văn phòng tại Lầu 2, Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê có kỳ hạn 4 năm, hết hạn vào ngày 29 tháng 4 năm 2026, với giá thuê có thuế giá trị gia tăng là 180.000.000 VND/tháng.

3. Thông tin về bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trên Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Về mặt địa lý, Tập đoàn chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Tập đoàn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name, and company seal)



CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN KHÁNH LINH